

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2019 - 2020

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/thá ng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1	TD17	Hóa học	HỒ SĨ THUẬN	19/03/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hệ thống thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
2	TD19	Giáo dục quốc phòng	VÕ THÀNH ĐẠT	04/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
3	TD20	Thế dục	TRẦN DUY HÙNG	24/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
4	TD21	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN VĂN HOÀI DƯƠNG	20/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
5	TD22	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN AN KHUƠNG	15/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
6	TD23	Địa lý	HOÀNG TỰ	19/04/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
7	TD24	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THÀNH VIỆT	03/06/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Âm nhạc	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
8	TD26	Văn thư	TẠ THỊ HÀI HIỀN	10/11/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
9	TD28	Tiếng Anh	VŨ TUẤN ĐẠT	03/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
10	TD29	Tiếng Anh	ĐỖ MINH LỢI	02/01/1978	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
11	TD30	Giáo dục công dân	VÕ THỊ HẰNG	02/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
12	TD31	Công nghệ thông tin	NGUYỄN VŨ ANH TUẤN	08/11/1978	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
13	TD32	Lịch sử	DƯƠNG THỊ THANH NGÀ	05/07/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :
- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:

- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

(2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.

(3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
14	TD33	Giáo dục quốc phòng	HUỖNH THỊ NGỌC TRẦN	03/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
15	TD34	Vật lý	TRẦN CHÍ THÀNH	26/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
16	TD35	Thế dục	NGUYỄN TRUYỀN THUYẾT	20/11/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
17	TD36	Ngữ văn	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	09/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
18	TD37	Vật lý	ĐOÀN THỊ BÌNH	18/06/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
19	TD38	Địa lý	LÊ THANH ÂN	30/12/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
20	TD39	Vật lý	NGUYỄN ANH TUẤN	06/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
21	TD40	Tiếng Anh	TRẦN NGỌC QUỲNH	24/04/1990	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
22	TD41	Toán học	NGUYỄN THỊ MAI TRÚC	17/06/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
23	TD42	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ MINH	13/09/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
24	TD43	Hóa học	PHẠM THỊ LỢI	19/12/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
25	TD44	Toán học	TRẦN THỊ THANH NHI	09/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
26	TD45	Lịch sử	NGUYỄN THỊ KIM HẬU	11/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
27	TD46	Toán học	TRẦN HỒNG PHÚC	02/06/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
28	TD47	Toán học	NGUYỄN KHÁNH TRỌNG	21/08/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
29	TD48	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ DIỆU	30/10/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
30	TD49	Tiếng Anh	ĐINH THỊ TƯỜNG QUANH	26/11/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRK1 I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
31	TD50	Ngữ văn	TRẦN THỊ TÂM	02/03/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyển nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
32	TD51	Hóa học	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	29/11/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
33	TD52	Vật lý	ĐẬU THỊ LOAN	08/10/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
34	TD53	Thế dục	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	22/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
35	TD54	Toán học	TRẦN THỊ ANH	08/05/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
36	TD56	Ngữ văn	HUỲNH TRÂM ANH	05/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
37	TD57	Sinh học	HOÀNG THỊ THU THỦY	29/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
38	TD58	Hóa học	LÊ THỦY TRANG	20/05/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
39	TD59	Hóa học	TRẦN THỊ LY NA	20/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
40	TD60	Hóa học	TRẦN THỊ THỦY TIỀN	27/09/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
41	TD62	Toán học	NGÔ QUỐC KHOA	12/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
42	TD63	Thiết bị, phòng thí nghiệm	LÊ QUANG HUY	16/02/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
43	TD64	Toán học	NGÔ THỊ NHÃ TRANG	30/11/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
44	TD65	Hóa học	NGUYỄN VĂN THẮNG	01/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
45	TD66	Công nghệ thông tin	NGUYỄN MẠNH CUỜNG	10/12/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
46	TD67	Thế dục	TRỊNH XUÂN NGUYỄN	18/12/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
47	TD69	Hóa học	TRƯƠNG THỊ MỸ	03/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
48	TD70	Thế dục	LÊ VĂN BÌNH	15/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
49	TD71	Sinh học	HỒ THỊ MỸ LINH	16/11/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Không	Không	(1)
50	TD72	Toán học	LÊ THỊ CẨM HƯƠNG	20/08/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
51	TD73	Vật lý	TRẦN ĐÌNH NHÂN	02/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
52	TD74	Ngữ văn	TRẦN THỊ TRANG	22/10/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
53	TD75	Sinh học	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
54	TD76	Vật lý	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	06/08/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
55	TD77	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGÀ	07/07/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
56	TD78	Tin học	TRANG NGỌC MỸ PHƯỚC	12/04/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Thạc sĩ	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
57	TD79	Giáo dục công dân	LÊ LỢI LAN VÂN	03/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
58	TD81	Ngữ văn	VÕ THỊ ANH THU	23/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
59	TD82	Toán học	NGUYỄN THÀNH CÔNG	17/09/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
60	TD83	Hóa học	HOÀNG THỊ THU	02/09/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
61	TD84	Địa lý	NGUYỄN VĂN MIỀN	26/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
62	TD85	Giáo dục công dân	THÔNG MINH TÈO	18/10/1994	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
63	TD86	Thể dục	NGUYỄN THÂN HỮU TÍN	27/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
64	TD87	Giáo dục quốc phòng	BÙI VĂN GIỚI	08/01/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
65	TD88	VP (dành cho TT GDTX)	NGUYỄN BÁ TRUNG	12/01/1972	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
66	TD89	Thiết bị, phòng thí nghiệm	LÊ TÂN THỊNH	20/04/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Thiết bị Thí nghiệm	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
67	TD91	Toán học	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	28/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
68	TD92	Thư Viện	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	05/02/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
69	TD93	Vật lý	NGUYỄN LÊ HOÀNG SƠN	14/06/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
70	TD94	Công nghệ thông tin	TRẦN THỊ HOÀNG LAN	20/05/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
71	TD95	Vật lý	TRẦN MINH THÁI	06/05/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
72	TD96	Vật lý	PHAN THỊ DIỄM TRANG	11/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
73	TD97	Hóa học	NGUYỄN THỊ ÁNH DIỄM	02/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
74	TD98	Công nghệ (KTCN)	NGUYỄN THANH NAM	20/12/1977	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
75	TD99	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG TIẾN VINH	19/08/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
76	TD100	Tiếng Anh	PHAN ĐẮNG THỦY TRANG	04/11/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Thạc sĩ	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA 2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
77	TD101	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THANH MINH THÔNG	28/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
78	TD102	Vật lý	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	29/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
79	TD103	Lịch sử	NGUYỄN THANH HỒNG AN	26/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
80	TD104	Vật lý	LÊ THỊ PHƯƠNG PHƯƠNG	02/10/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
81	TD105	Sinh học	LÝ MINH TUẤN	19/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
82	TD107	Hóa học	LÊ THỊ NGÀ	10/12/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
83	TD110	Tiếng Anh	VÕ THỊ QUỲNH TRANG	05/06/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Kỹ thuật viên	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA 2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt :**

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
84	TD111	Công nghệ thông tin	LÊ NGUYỄN HỒNG CHÂU	01/09/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
85	TD112	Ngữ văn	RMAH SỒL	08/12/1992	Nam	Gia rai	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
86	TD113	Tiếng Anh	NGUYỄN THANH THỊ PHƯƠNG THẢO	16/07/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
87	TD115	Vật lý	LÊ MINH HOÀNG	20/04/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
88	TD116	Hóa học	LƯU MINH CHÁNH	19/09/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
89	TD117	Vật lý	TRANG BÍCH LOAN	20/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
90	TD118	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	09/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
91	TD119	Sinh học	NGUYỄN MINH TIẾN	17/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
92	TD120	Thủ quỹ	BÙI THỊ HẰNG	28/03/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
93	TD121	Công nghệ thông tin	BÙI THỊ NGỌC XUYẾN	15/03/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
94	TD122	Thiết bị, phòng thí nghiệm	TRẦN CÔNG ANH	20/07/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thiết bị Thí nghiệm	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
95	TD123	Thư Viện	VŨ THỊ PHƯỢNG	13/09/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
96	TD124	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	09/12/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
97	TD126	Lịch sử	CHÂU NGỌC YẾN	11/02/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
98	TD127	Thư Viện	VŨ THỊ YẾN NHUNG	07/02/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
99	TD128	Thư Viện	TRẦN THỊ CẨM LOAN	04/12/1967	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Tiếng Nga	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
100	TD129	Công nghệ thông tin	HỒ THỊ ANH TUYỀN	01/08/1981	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
101	TD130	Toán học	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	22/07/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
102	TD131	Toán học	TRỊNH THỊ THU GIANG	27/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
103	TD132	Ngữ văn	HÀ VĂN VỤ	07/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
104	TD133	Hóa học	NGUYỄN HOÀNG HUY	25/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
105	TD134	Hóa học	PHẠM LÊ THANH	09/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
106	TD135	Thế dục	ĐỖ VĂN THƯƠNG	04/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
107	TD136	Vật lý	NGUYỄN THỊ HIỀN	26/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
108	TD137	Thế dục	TẠ DUY LINH	22/03/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	(2)
109	TD138	Tiếng Anh	BÙI THẢO LOAN	19/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
110	TD139	Ngữ văn	TẠ VĂN HOÀI THANH	29/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
111	TD140	Ngữ văn	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH CHI	26/05/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
112	TD141	Giáo dục công dân	CHÂU HOÀI NAM	10/01/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
113	TD142	Sinh học	PHAN NGUYỄN HƯƠNG GIANG	19/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
114	TD143	Thủ quỹ	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	26/01/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
115	TD144	Tiếng Anh	HÀ THỊ TUYẾT TRINH	23/03/1990	Nữ	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Thạc sĩ	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
116	TD145	Giáo dục quốc phòng	LÊ KHẮC HUY	07/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
117	TD146	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN VĂN QUỐC CUỜNG	15/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
118	TD148	Giáo dục quốc phòng	HUỖNH THỊ ĐIỀU LÝ	30/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
119	TD149	Thủ quỹ	PHẠM THỊ MINH THƠ	28/07/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kinh tế	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
120	TD150	Hóa học	NGUYỄN THỊ MINH THU	01/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
121	TD151	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN THÀNH VIỆT	24/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
122	TD152	Địa lý	VÔ THỊ MỸ LINH	05/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
123	TD153	Giáo dục quốc phòng	ĐINH CÔNG VẤN	25/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
124	TD154	Vật lý	TRỊNH THỊ ÁI LÂM	04/05/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
125	TD155	Thư Viện	LƯƠNG THỊ VƯỢNG	16/03/1985	Nữ	Thái	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
126	TD157	Toán học	NGUYỄN ĐỨC ẮN	06/08/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
127	TD158	Thư Viện	ĐOÀN THỊ THÚY TRẦN	26/07/1998	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
128	TD159	Vật lý	VÔ THỊ THU THÚY	27/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
129	TD160	Vật lý	LÊ LƯƠNG VŨ	21/07/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
130	TD161	Công nghệ thông tin	TRẦN VĨNH TIẾN	15/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
131	TD162	Vật lý	LƯU THỊ KIM ĐIỆP	21/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
132	TD163	Địa lý	LÊ BÁ HOÀNG PHÁT	22/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
133	TD164	Công nghệ thông tin	NGUYỄN DUY THÔNG	24/04/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
134	TD165	Địa lý	VAN THỊ KIM	02/07/1994	Nữ	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
135	TD166	Địa lý	HUỶNH THỊ TRÚC LAN	02/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
136	TD168	Thế dục	VÕ NGỌC ANH THƯ	12/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
137	TD170	Toán học	TRẦN THIÊN BÌNH	08/02/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
138	TD171	Địa lý	LÊ THỊ HOA	19/04/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
139	TD172	Tiếng Anh	LƯU HOÀNG LINH	16/03/1996	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
140	TD173	Giáo dục quốc phòng	HUỶNH QUỐC DŨNG	01/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
141	TD174	Toán học	TRẦN NGỌC HIỀN	14/01/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
142	TD175	Vật lý	NGUYỄN ANH THƯ	21/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
143	TD176	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ MỸ TIẾN	14/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
144	TD177	Ngữ văn	ĐỖ THỊ MỸ DUYỀN	02/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
145	TD178	Toán học	PHAN THỊ ANH THƠ	01/05/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
146	TD179	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ PHI PHƯƠNG	28/11/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
147	TD180	Toán học	HUỶNH THỊ TUYẾT MAI	16/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
148	TD181	Hóa học	HOÀNG THỊ TUYẾT	15/02/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
149	TD182	Toán học	TRẦN VĂN THẠCH	12/10/1976	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Cao đẳng	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
150	TD183	Vật lý	LÊ THỊ THẨM	27/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
151	TD184	Lịch sử	LÊ THỊ MỸ THUẬN	22/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
152	TD185	Ngữ văn	QUÁCH THỊ HƯỜNG	24/05/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
153	TD186	Hóa học	ĐẶNG TRỌNG NGHĨA	09/06/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
154	TD187	Địa lý	ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG	20/12/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
155	TD188	Toán học	LƯU THỊ MẾN	24/08/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
156	TD189	Hóa học	SÚ QUANG KIỆT	23/10/1996	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
157	TD190	Vật lý	TRẦN THỊ HỒNG HẢI	05/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
158	TD191	Hóa học	PHAN THỊ HOÀNG YẾN	26/11/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
159	TD192	Tiếng Anh	HỒ THỊ HIẾU	31/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
160	TD193	Sinh học	BÙI THỊ KIỀU MY	19/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
161	TD194	Sinh học	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
162	TD195	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ KIM ANH	05/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	(1)
163	TD197	Vật lý	HỒ ĐÌNH TRUNG	24/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
164	TD198	Tiếng Anh	DUƠNG CỐNG ĐỨC HUY	25/10/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
165	TD199	Toán học	HÀ MINH SƠN	13/05/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
166	TD200	Hóa học	NGUYỄN QUỐC HÙNG	09/11/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
167	TD201	Hóa học	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	17/10/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
168	TD202	Địa lý	PHAN THỊ DUNG	08/08/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
169	TD204	Tiếng Anh	NGUYỄN THU THẢO	10/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
170	TD206	Hóa học	TRẦN LÊ NGỌC TRÂM	01/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
171	TD207	Toán học	TRẦN PHƯƠNG NHƯ	30/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
172	TD208	Thư Viện	TRẦN NGỌC HỮU TÀI	23/01/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
173	TD210	Ngữ văn	LƯƠNG THỊ THÙY LINH	17/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
174	TD211	Toán học	PHAN VĂN DŨNG	19/08/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
175	TD212	Toán học	NGUYỄN TRẦN PHONG	04/10/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
176	TD213	Thủ quỹ	LÊ QUỐC ĐẠT	19/03/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
177	TD214	Công nghệ thông tin	PHẠM ĐÌNH KHIÊM	06/11/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
178	TD215	Thủ quỹ	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	01/09/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
179	TD216	Thư Viện	PHẠM THỊ CHUYỀN	11/07/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
180	TD217	Toán học	NGÔ VĂN ANH QUỐC	13/04/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
181	TD218	Toán học	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	20/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
182	TD219	Vật lý	TRẦN QUỐC TRỊ	18/08/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
183	TD220	Sinh học	TRẦN THỊ DUNG	24/11/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
184	TD221	Sinh học	ĐỖ THỊ NGUYỄN LỘC	23/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
185	TD222	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ XUÂN THỦY	13/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
186	TD223	Toán học	VÕ THỊ KIM PHƯỢNG	15/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
187	TD226	Thiết bị, phòng thí nghiệm	PHẠM BẢO NGHI	01/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Quản lý giáo dục	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Không	Không	Không
188	TD227	Vật lý	TRẦN THỊ HOÀNG QUYÊN	03/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
189	TD228	Thể dục	NGUYỄN THANH PHONG	01/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
190	TD229	Thư Viện	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	12/10/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
191	TD230	Thể dục	MANG THANH	10/01/1990	Nam	Rag lai	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(2)
192	TD231	Thủ quỹ	TRƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN	29/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
193	TD232	Văn thư	TRẦN THỊ KIM TRĂNG	02/09/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
194	TD233	Hóa học	ĐẶNG LÊ KIM PHỤNG	05/01/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
195	TD234	Toán học	TRẦN HÙNG TRẮNG	10/06/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
196	TD235	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	18/02/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
197	TD236	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ CHIÊU ANH	10/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
198	TD237	Toán học	LÊ ĐÌNH NGUYỄN	22/06/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
199	TD238	Thế dục	NGUYỄN THỊ OANH	10/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
200	TD239	Địa lý	TRẦN THỊ THU HIỀN	19/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
201	TD240	Thế dục	PHẠM THỊ HẢO	14/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
202	TD241	Địa lý	VÕ THỊ NGỌC TÂM	24/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
203	TD242	Văn thư	TÔ THỊ PHƯƠNG TRANG	22/12/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
204	TD243	Toán học	NGUYỄN NGỌC DỪNG	28/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
205	TD244	Thư Viện	LÊ QUANG THÁI	04/05/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
206	TD245	Lịch sử	LÊ THỊ DUNG	23/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
207	TD246	Sinh học	NGUYỄN THỊ THOẠI MY	10/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
208	TD247	Vật lý	NGUYỄN THỊ TỎNG	30/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
209	TD248	Địa lý	HUỶNH TÂN TÀI	04/11/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
210	TD249	Toán học	HUỶNH NGỌC PHỤNG	14/12/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
211	TD250	Tiếng Anh	TRẦN THỊ CẨM MIỀN	24/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
212	TD251	Hóa học	NGUYỄN THỊ MỘNG TRINH	25/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
213	TD252	Hóa học	PHẠM BẢO QUÝ	25/08/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
214	TD253	Hóa học	LÊ THỊ HƯƠNG	06/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
215	TD254	Vật lý	VÕ TRẦN KHOA NGUYỄN	30/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
216	TD255	Toán học	LÂM VĂN GIỒNG	30/08/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
217	TD256	Ngữ văn	ĐẶNG HUY PHÚ	08/06/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
218	TD257	Hóa học	NGUYỄN LÊ ANH PHƯƠNG	30/04/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Kỹ thuật viên	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyển nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
219	TD258	Hóa học	NGUYỄN MINH QUÂN	10/04/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
220	TD259	Ngữ văn	LÂM THỊ HUYỀN TRẦN	11/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
221	TD260	Toán học	NGUYỄN HOÀNG DUY MINH	05/09/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
222	TD261	Văn thư	LÊ THỊ HẠN	29/03/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
223	TD262	Thư Viện	LÊ TRẦN NGỌC DUNG	03/07/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
224	TD264	Vật lý	NGUYỄN ĐĂNG TÀI	15/11/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
225	TD265	Toán học	NGUYỄN THỊ THU MƠ	23/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
226	TD266	Vật lý	NGUYỄN VĂN THỌ	02/02/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
227	TD267	Công nghệ thông tin	PHAN THỊ NGỌC PHƯƠNG	18/05/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
228	TD269	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ ÁI NGÂN	12/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
229	TD270	Thế dục	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	26/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
230	TD271	Toán học	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	12/12/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
231	TD273	Tiếng Anh	NGUYỄN ANH QUÂN	19/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 1/Trình độ A/ TEU/DELF A1/ Đức A1/HSK cấp 1/ JLPT N1/ Topik I-L1	Không	Không
232	TD274	Thủ quỹ	TRẦN THỊ LINH CHI	01/12/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
233	TD275	Toán học	NGUYỄN XUÂN THÂN	15/04/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
234	TD276	Thư Viện	PHẠM THU THANH	04/09/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
235	TD277	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	09/02/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(1)
236	TD278	Ngữ văn	TRẦN NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	11/12/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
237	TD279	Thế dục	PHẠM HÙNG MẠNH	01/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
238	TD280	Sinh học	ĐẬU THỊ MINH	28/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
239	TD281	Sinh học	NGUYỄN THỊ LỆ XUÂN	10/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
240	TD282	Giáo dục công dân	LÊ VŨ CẢNH	10/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
241	TD283	Vật lý	CHU VĂN HẬU	13/09/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
242	TD284	Hóa học	TRANG THANH TÚ	06/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
243	TD285	Văn thư	ĐOÀN THỊ LOAN	28/12/1969	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
244	TD287	Ngữ văn	DƯƠNG YẾN NHI	08/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
245	TD288	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	24/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
246	TD289	Lịch sử	TRẦN THỊ KIM NGÂN	06/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
247	TD290	Vật lý	TRẦN THỊ DUNG	04/08/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
248	TD292	Vật lý	NGUYỄN KIM PHÁT	02/01/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
249	TD293	Hóa học	NGUYỄN LÊ THUẬN	29/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
250	TD294	Tin học	LÊ THÀNH NHÂN	24/05/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
251	TD295	Toán học	NGUYỄN HUỲNH NAM	13/03/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
252	TD296	Thủ quỹ	TRƯƠNG VĂN QUÝ	23/10/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
253	TD297	Vật lý	NGUYỄN MINH BẢO	12/08/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
254	TD298	Sinh học	TRẦN DƯƠNG QUỐC ANH	13/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
255	TD299	Toán học	LÊ TÔN HIỆP	11/10/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Cao đẳng	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
256	TD300	Thủ quỹ	LÊ THỊ CẨM TIỀN	13/07/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
257	TD301	Văn thư	LÊ ANH CHUNG	20/04/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
258	TD302	Thư Viện	TRẦN THỊ THANH THỦY	09/05/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
259	TD304	Toán học	PHẠM HOÀNG VIỆT	14/06/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
260	TD305	Vật lý	NGUYỄN BẢO NHON	20/02/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
261	TD306	Hóa học	PHẠM HOÀNG ÁNH TUYẾT	06/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
262	TD307	Lịch sử	PHAN THỊ XUÂN ĐÀO	08/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
263	TD308	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	27/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
264	TD309	Toán học	THÁI THỊ MỸ LÝ	10/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
265	TD310	Tiếng Anh	TRẦN THỊ HƯƠNG LAN	02/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Đại học	Không	Không	Không
266	TD311	Toán học	NGÔ THỊ LỆ	12/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
267	TD312	Hóa học	TRẦN HẢI PHƯƠNG	06/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
268	TD313	Vật lý	TÔN NGỌC TÂM	03/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
269	TD314	Văn thư	HỒ THỊ DIỄM MAI	31/05/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
270	TD317	Toán học	NGUYỄN THANH HẢI	13/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
271	TD318	Lịch sử	PHẠM THỊ THU TRANG	02/01/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
272	TD319	Vật lý	NGUYỄN THỊ THỦY QUYÊN	13/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
273	TD320	Hóa học	NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN	09/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
274	TD321	Thủ quỹ	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	01/02/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
275	TD323	Sinh học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	23/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
276	TD324	Sinh học	TỬ BỘI HOA	16/08/1997	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
277	TD325	Tiếng Anh	ĐỖ QUỐC KHÁNH	03/09/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
278	TD326	Hóa học	NGUYỄN THỊ NGOAN	28/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
279	TD327	Giáo dục quốc phòng	VŨ THỊ DUNG	06/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
280	TD328	Hóa học	NGUYỄN THỊ CẨM THI	28/09/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
281	TD329	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN HỮU MẠNH	04/10/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
282	TD332	Văn thư	TRẦN VĂN NGỌC ANH	18/08/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
283	TD333	Hóa học	LÊ THỊ HÀ	15/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
284	TD334	Tiếng Anh	TRẦN THỊ KHÁNH VÂN	02/04/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
285	TD335	Lịch sử	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	27/02/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
286	TD336	Hóa học	NGUYỄN THỊ HÀ	02/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
287	TD337	Hóa học	PHAN THỊ LAN	13/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
288	TD338	Toán học	NGUYỄN HUỲNH THÀNH NHÂN	20/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
289	TD339	Toán học	TRẦN DUY CUÔNG	05/11/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
290	TD340	Tin học	PHẠM TRỌNG HUYNH	02/07/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
291	TD341	Hóa học	LÊ THỊ HOA MẶN	12/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
292	TD342	Thể dục	NGUYỄN NGỌC PHÚ	22/01/1977	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(1)
293	TD343	Sinh học	TRỊNH THANH GIANG	25/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
294	TD344	Công nghệ thông tin	LÊ ĐỨC LẤN	12/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
295	TD345	Thể dục	ĐOÀN NGUYỄN DUY LINH	20/04/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
296	TD346	Địa lý	VÕ MINH NHÂN	26/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
297	TD347	Lịch sử	NGUYỄN THỊ ĐIẾP	10/02/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ	Không	Không	Không
298	TD348	Giáo dục quốc phòng	PHAN TẤN QUỐC	27/09/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
299	TD349	Toán học	TSÀN CÔNG LÔNG	07/11/1982	Nam	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
300	TD350	Thế dục	NGUYỄN THỊ DUYỀN	20/10/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(2)
301	TD351	Tiếng Anh	LÊ VĂN HUY	20/06/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
302	TD352	Vật lý	LÊ THỊ THÚY TIỀN	02/05/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
303	TD354	Ngữ văn	NGUYỄN NGỌC NHƯ THẢO	28/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
304	TD355	Vật lý	ĐỖ THÚY LINH	20/06/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
305	TD356	Tin học	ĐÌNH THỊ THU	15/03/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
306	TD357	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN ĐÌNH NHẪN	02/05/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
307	TD358	Ngữ văn	VÕ HỒNG HẢO	14/06/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
308	TD359	Tiếng Anh	NGUYỄN HUỲNH TRÂM ANH	04/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
309	TD360	Tiếng Anh	LÊ PHƯỚC THỊNH	28/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
310	TD361	Toán học	HUỲNH PHÁT THÀNH	14/04/1988	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
311	TD362	Công nghệ thông tin	PHẠM ĐÌNH THIÊN	20/11/1967	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
312	TD363	Toán học	LÊ HOÀNG KHA	14/11/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
313	TD364	Vật lý	VÕ VĂN VƯƠNG	20/10/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
314	TD365	Công nghệ thông tin	DANH CUƠNG	01/01/1988	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
315	TD366	Hóa học	PHAN THỊ NGỌC TRINH	11/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
316	TD367	Tin học	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	10/04/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
317	TD368	Hóa học	LÝ HẢI ĐĂNG	29/04/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
318	TD369	Toán học	NGUYỄN ĐĂNG LÂN	10/09/1970	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
319	TD370	Thể dục	NGUYỄN QUỐC HÙNG	01/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
320	TD371	Vật lý	NGUYỄN VĂN MẠNH	22/02/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
321	TD372	Tiếng Anh	PHẠM THÁI THANH	05/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
322	TD373	Tiếng Anh	NGÔ THỊ CẨM TIỀN	12/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
323	TD374	Giáo dục công dân	PHAN THỊ NGÀ	14/07/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(1)
324	TD375	Thể dục	NGUYỄN MINH TRÍ	13/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
325	TD376	Thể dục	BÙI MINH KHÔI	10/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
326	TD378	Hóa học	ĐẶNG XUÂN HẢI	24/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
327	TD379	Ngữ văn	TRẦN THỊ THU HIỀN	26/10/1996	Nữ	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
328	TD380	Công nghệ (KTCN)	PHẠM THỊ HIỀN	09/09/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
329	TD381	Hóa học	HỨA THỊ THANH THỦY	07/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
330	TD382	Hóa học	LƯƠNG THỊ HUƠNG QUỲNH	23/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
331	TD383	Hóa học	MAI THỊ HẰNG	16/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
332	TD384	Toán học	VÕ HOÀNG PHƯƠNG	13/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
333	TD385	Tin học	NGÔ MINH SANG	11/12/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
334	TD386	Hóa học	NGUYỄN THỊ TUỜNG VI	11/08/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
335	TD387	Toán học	NGUYỄN XUÂN QUANG	17/05/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
336	TD388	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ BÉ	02/05/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
337	TD389	Toán học	LÊ THỊ HẢI YẾN	24/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
338	TD390	Vật lý	CHU HOÀNG HÀ	18/07/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
339	TD391	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ HOÀN	20/05/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
340	TD392	Hóa học	HOÀNG HUƠNG THẢO	19/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
341	TD393	Vật lý	HOÀNG THỊ THÚY	16/07/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
342	TD394	Sinh học	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	16/12/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
343	TD395	Toán học	LÊ VĂN HÙNG	10/06/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
344	TD396	Tiếng Anh	PHẠM THỊ NA	02/08/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
345	TD397	Hóa học	ĐINH HOÀNG NGỌC HƯNG	18/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
346	TD398	Thế dục	HỒ THỊ HÀ	16/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
347	TD399	Vật lý	NGUYỄN THÀNH CÔNG	12/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
348	TD400	Ngữ văn	LÊ THỊ CÚC	23/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
349	TD401	Toán học	THÁI PHẠM NHƯ NGỌC	22/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
350	TD402	Địa lý	ĐẶNG THỊ THẨM	23/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
351	TD403	Giáo dục công dân	HUỲNH PHƯƠNG NAM	17/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
352	TD404	Toán học	ĐẶNG KIM YẾN	12/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
353	TD405	Giáo dục công dân	VÕ THỊ DIỄM	12/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
354	TD406	Ngữ văn	NGUYỄN TRƯỞNG ĐƠN	02/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
355	TD407	Hóa học	NGÔ THỊ QUỲNH	08/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
356	TD408	Thủ quỹ	NGUYỄN THU MÂY	20/11/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán		Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
357	TD409	Hóa học	MẠC THỦY TRÂM	02/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
358	TD410	Lịch sử	NGUYỄN THỊ PHÚC	29/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
359	TD412	Công nghệ thông tin	BÙI THUY KHÁNH VI	01/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
360	TD414	Vật lý	NGUYỄN THỊ THÚY VIÊN	12/08/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
361	TD415	Toán học	NGUYỄN HỮU ĐÌNH	06/11/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
362	TD416	Toán học	HUỲNH BÁ PHƯỚC	19/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
363	TD417	Thiết bị, phòng thí nghiệm	NGUYỄN TRỌNG KHIÊM	04/10/1974	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
364	TD418	Vật lý	TÔ NHÃ VY	15/04/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí		Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
365	TD419	Vật lý	NGUYỄN MINH PHÚC	10/08/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
366	TD420	Vật lý	PHẠM CHIẾN TRƯỞNG	11/12/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
367	TD421	Ngữ văn	LÔ THỊ LUYẾN	12/05/1983	Nữ	Thái	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
368	TD422	Toán học	NGUYỄN THÚY AN	07/10/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
369	TD423	Toán học	TRIỆU VĨ THUẬN	27/02/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
370	TD424	Toán học	NGUYỄN XUÂN DUY BẢO	29/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
371	TD425	Toán học	TRẦN ĐÌNH KHẢI	18/07/1997	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
372	TD426	Toán học	ĐẶNG HỮU CHUNG	13/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
373	TD427	Hóa học	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRẦN	29/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
374	TD428	Địa lý	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	10/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
375	TD429	Tiếng Anh	CHÂU TIÊU LINH	02/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
376	TD430	Địa lý	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	15/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
377	TD431	Địa lý	LÂM NHẬT TRƯỞNG	07/03/1997	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lí học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(3)
378	TD432	Tiếng Anh	HUỶNH THẾ NGHĨA	29/09/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Đại học	Không	Không
379	TD433	Hóa học	PHẠM THANH THIÊN	17/04/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
380	TD434	Tiếng Anh	LÊ THỊ THU HÀ	26/03/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
381	TD435	Giáo dục công dân	TẠ NHỮ MINH PHƯƠNG	20/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
382	TD436	Hóa học	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	02/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
383	TD437	Vật lý	LÊ THỊ MAI NGÀ	02/05/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
384	TD438	Địa lý	THÁI THỊ THƠM	12/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
385	TD439	Toán học	LÊ THỊ BÍCH THUY	09/02/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
386	TD440	Hóa học	PHẠM NGỌC TUẤN	16/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
387	TD441	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	26/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
388	TD442	Ngữ văn	PHAN QUỲNH ANH	14/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
389	TD443	Toán học	BÙI TIẾN LỘC	19/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
390	TD444	Thể dục	MAI MINH NHỰT	10/10/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
391	TD445	Công nghệ (KTCN)	TRẦN HỮU NHẬT	22/09/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
392	TD446	Ngữ văn	NGUYỄN THU HÀ	01/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
393	TD447	Toán học	TRẦN HUỲNH THẢO LY	17/10/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
394	TD448	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	23/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
395	TD449	Vật lý	NGUYỄN VĂN THUẬN	21/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
396	TD450	Ngữ văn	LÊ THỊ MỘNG NHI	08/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
397	TD451	Ngữ văn	LÊ PHAN THANH NHÂN	10/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
398	TD452	Tin học	LÊ THU PHƯƠNG	22/04/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
399	TD453	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HÀ	20/04/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
400	TD454	Tiếng Anh	LÊ THỊ DIỄM HẰNG	26/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
401	TD455	Tiếng Anh	VÕ ĐẶNG HOA HỒNG	02/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
402	TD456	Hóa học	NGUYỄN THỊ HOÀI KHANH	04/08/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
403	TD457	Tin học	NGUYỄN DUY HÙNG	26/06/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hệ thống thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ IC3	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
404	TD458	Vật lý	PHẠM Y VÂN	21/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
405	TD459	Toán học	HUỲNH THỊ LINH	18/04/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
406	TD460	Toán học	NGUYỄN THỊ THANH NGUYỄN	21/12/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
407	TD461	Toán học	NGUYỄN HỮU KHÔI	20/04/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
408	TD463	Địa lý	BIỆN THỊ MỸ KIM	20/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
409	TD464	Địa lý	LÊ THỊ TỨ	11/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
410	TD465	Toán học	HOÀNG THỊ ANH THƯ	30/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
411	TD467	Toán học	HUỲNH THỊ HÒA	27/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
412	TD468	Toán học	ĐỖ THANH HÙNG	19/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
413	TD469	Toán học	PHẠM DUY NGUYỄN	26/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
414	TD470	Thủ quỹ	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/09/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
415	TD471	Công nghệ thông tin	NGUYỄN TẤN CUÔNG	27/02/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
416	TD472	Toán học	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	25/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
417	TD473	Tiếng Anh	LÊ THỊ ĐÀO	15/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	(1)
418	TD474	Hóa học	NGUYỄN HỒNG NGỌC	02/04/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
419	TD475	Sinh học	THIỆU QUANG THANH TRÚC	13/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
420	TD476	Thiết bị, phòng thí nghiệm	LÊ THỊ MINH TRANG	12/02/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
421	TD477	Toán học	LÊ NHẤT DUY	20/05/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
422	TD478	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THÚY	02/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
423	TD479	Giáo dục quốc phòng	DƯƠNG VĂN HIỆP	20/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
424	TD480	Vật lý	ĐÀO THỤY TƯỜNG VI	12/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
425	TD481	Toán học	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	13/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
426	TD482	Tiếng Nhật	NGUYỄN THỊ HÀ	19/04/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Nhật	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
427	TD483	Hóa học	HUỲNH NGỌC SANG	01/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
428	TD484	Địa lý	CAO THỊ THU HIỀN	06/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
429	TD485	Hóa học	TRẦN THỊ THANH THÙY	04/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
430	TD486	Địa lý	LÊ THỊ TUYẾT NGÀ	16/06/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
431	TD487	Tiếng Anh	TÀ THỊ XUÂN HÒA	29/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
432	TD488	Tiếng Anh	TRẦN PHƯƠNG QUỲNH ANH	21/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt :**

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
433	TD489	Thế dục	DANH PHỐ	03/04/1996	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
434	TD490	Lịch sử	NGUYỄN BÁ TÀI	20/10/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
435	TD492	Thế dục	NGUYỄN TRỌNG THUẬN	26/11/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
436	TD494	Hóa học	NGUYỄN VĂN THÀNH	18/02/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
437	TD495	Lịch sử	ĐẶNG THỊ THÚY	16/04/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
438	TD496	Hóa học	NGUYỄN GIA LỘC	03/01/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
439	TD497	Thế dục	DANH LÔ	16/06/1992	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
440	TD498	Địa lý	ĐÀO THỊ KIỀU LƯU	10/10/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
441	TD499	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	07/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
442	TD500	Thiết bị, phòng thí nghiệm	NGUYỄN VÕ VUÔNG	19/05/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kỹ thuật máy tính	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
443	TD501	Toán học	PHẠM THỊ HIỀN	03/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
444	TD502	Tin học	NGỌC LÊ DUNG	19/07/1987	Nữ	Tày	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
445	TD503	Toán học	NGUYỄN THỊ TUYẾT MÃN	02/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
446	TD504	Công nghệ thông tin	TRẦN THỊ BẢO QUỲNH	02/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
447	TD505	Sinh học	VŨ THỊ THƯƠNG	06/12/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
448	TD506	Hóa học	LÊ MINH QUỐC	28/10/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
449	TD507	Hóa học	TRẦN THỊ NGỌC MAI	16/08/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
450	TD508	Vật lý	VŨ THỊ KHÁNH	12/04/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
451	TD509	Tiếng Anh	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	18/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
452	TD510	Toán học	ĐẶNG LÊ XUÂN ÁNH NGUYỆT	01/04/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
453	TD511	Ngữ văn	BÙI THỊ THANH TRÂM	07/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
454	TD512	Thế dục	CHU MINH QUANG	26/09/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
455	TD513	Toán học	ĐẶNG THỊ NGỌC YẾN	01/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
456	TD514	Giáo dục công dân	NGUYỄN HOÀNG HẢI	14/12/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
457	TD515	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN TRUNG	03/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
458	TD516	Ngữ văn	BÙI THỊ LINH	18/09/1994	Nữ	Mường	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
459	TD517	Ngữ văn	ĐỖ DUY KIM	26/12/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Đại học	Không	Không
460	TD518	Toán học	NGUYỄN DUY LINH	28/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
461	TD519	Tiếng Pháp	LÊ PHƯƠNG LAN	07/05/1976	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Pháp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
462	TD520	Vật lý	PHAN THỊ MINH Châu	10/06/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
463	TD522	Ngữ văn	LÊ MINH TÚ	10/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
464	TD523	Ngữ văn	ĐỖ GIA LINH	27/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
465	TD524	Hóa học	NGUYỄN THỊ NGỌC NƯƠNG	11/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
466	TD525	Thể dục	HUỲNH NGỌC KHOA	04/02/1986	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
467	TD526	Địa lý	TRẦN KIM BIÊN	26/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
468	TD527	Địa lý	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	22/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
469	TD528	Tin học	TIÊU PHÙNG MAI SƯƠNG	26/02/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Thạc sĩ	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
470	TD529	Vật lý	LÊ THỊ THU THẢO	04/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
471	TD530	Vật lý	NGUYỄN TRUNG NHÂN	06/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
472	TD532	Hóa học	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	10/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
473	TD533	Toán học	PHẠM THỊ XUÂN	04/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
474	TD534	Sinh học	PHẠM NGUYỄN MINH ANH	15/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
475	TD535	Toán học	BÙI THANH TÂN	17/09/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
476	TD536	Toán học	LÊ THỊ BẢO LINH	25/11/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
477	TD537	Hóa học	ĐOÀN ANH THU'	07/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
478	TD538	Vật lý	NGUYỄN THÁI NGỌC	14/04/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
479	TD539	Ngữ văn	TRẦN THỊ HOÀI VÂN	21/07/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
480	TD540	Vật lý	TRỊNH THỊ THỦY ANH	16/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
481	TD541	Thể dục	PHAN THỊ THANH LOAN	12/07/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
482	TD542	Vật lý	TRẦN KIM TRANG	13/03/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
483	TD543	Thể dục	PHẠM NGUYỄN THIỆN HUY	09/09/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
484	TD545	Hóa học	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	10/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
485	TD546	Văn thư	HUỲNH NGUYỄN HỒNG THỊNH	27/04/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kinh tế	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
486	TD547	Sinh học	BÙI QUANG NAM	16/12/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
487	TD548	Thể dục	TRƯƠNG TUẤN KIỆT	14/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
488	TD549	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HUỆ	03/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
489	TD550	Văn thư	PHAN THỊ SÁNH	12/07/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
490	TD551	Hóa học	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
491	TD552	Thẻ đục	TRẦN THỊ THÚY	28/07/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thẻ chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
492	TD553	Ngữ văn	HỒ THỊ THANH THƯƠNG	27/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
493	TD554	Ngữ văn	BÙI THỊ NGỌC TUYỀN	04/12/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
494	TD555	Thẻ đục	NGUYỄN HỮU TÌNH	11/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thẻ chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
495	TD556	Văn thư	LÊ XIẾU LOÁNG	10/02/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Âm nhạc	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(2)
496	TD557	Thẻ đục	NGÔ THANH TUẤN	29/08/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thẻ chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
497	TD558	Sinh học	HUỶNH THỊ HỘI	02/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
498	TD559	Hóa học	TRẦN ANH TUẤN	01/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
499	TD560	Thẻ đục	NGUYỄN ĐỨC ANH TUẤN	05/09/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thẻ chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
500	TD561	Vật lý	TRẦN THỊ HUYỀN	01/02/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
501	TD562	Sinh học	LÊ THỊ HẰNG	01/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
502	TD563	Thẻ đục	NGUYỄN HUỶNH THÔNG THẠO	27/07/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thẻ chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
503	TD564	Tin học	PHAN NGỌC PHỤNG	23/02/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
504	TD565	Tiếng Anh	TRẦN NGỌC TUYẾT TRÂM	08/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
505	TD566	Công nghệ thông tin	NGUYỄN TRIẾT GIANG	18/08/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Khoa học máy tính	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Bậc 1/Trình độ A/ TEU/DELF A1/ Đức A1/HSK cấp 1/ JLPT N1/ Topik I-L1	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
506	TD567	Văn thư	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG BÌNH	19/04/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kinh tế	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
507	TD568	Toán học	NGÔ THANH TÚ	08/07/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
508	TD569	Ngữ văn	LÊ NGUYỄN THÙY TRANG	28/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
509	TD570	Văn thư	NGUYỄN THỊ THANH MAI	23/01/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
510	TD571	Toán học	NGUYỄN THỊ NHI HỮU	12/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
511	TD572	Hóa học	TRẦN HỒNG NGỌC NGÂN	28/06/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
512	TD573	Toán học	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	10/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
513	TD574	Toán học	NGUYỄN THANH PHONG	21/02/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
514	TD575	Toán học	NGUYỄN THỊ THÚY THOA	24/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
515	TD576	Thủ quỹ	NGUYỄN THU DUNG	08/03/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
516	TD577	Hóa học	PHẠM VĂN PHONG	09/10/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
517	TD578	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN THANH BÌNH	27/09/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
518	TD579	Địa lý	HỒ THỊ QUỐC UYÊN	28/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
519	TD580	Thư Viện	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	16/03/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
520	TD581	Hóa học	VÕ THỊ PHƯƠNG THANH	02/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
521	TD582	Ngữ văn	VÕ NGỌC THANH	22/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
522	TD583	Giáo dục công dân	CAO THỊ DUYỀN	23/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
523	TD584	Ngữ văn	NGUYỄN ĐAN CHI	10/04/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
524	TD585	Tiếng Anh	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG MINH	11/06/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA 2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik 1-L2	Không	(2)
525	TD586	Toán học	HUỶNH THỊ DIỄM LINH	22/05/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
526	TD587	Hóa học	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	01/01/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
527	TD588	Lịch sử	NGUYỄN NHỰT TÚ	17/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
528	TD589	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	18/02/1995	Nữ	Mường	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
529	TD590	Địa lý	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM	27/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
530	TD591	Lịch sử	LÊ THỊ HẰNG	19/10/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
531	TD592	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ YÊN CHÂU	15/10/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
532	TD593	Thể dục	LÊ THANH PHONG	13/05/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
533	TD594	Địa lý	NGUYỄN BÙI OANH NHI	29/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
534	TD596	Lịch sử	LÊ VĂN THẮNG	08/11/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
535	TD597	Tiếng Anh	TRẦN TRUNG NGHĨA	04/01/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Đại học	Không	Không
536	TD598	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	14/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
537	TD599	Ngữ văn	Lâm Tấn Minh	15/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
538	TD601	Ngữ văn	TRẦN THỊ VÂN	20/10/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
539	TD602	Hóa học	VÕ BẢO HƯNG PHƯỚC ĐÀO	25/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
540	TD604	Hóa học	NGUYỄN MINH THÁI	04/12/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
541	TD605	Tiếng Anh	HOÀNG THỊ HUỆ	04/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
542	TD606	Ngữ văn	HOÀNG THỊ NGỌC HUYỀN	20/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
543	TD607	Thể dục	LÊ NGUYỄN ĐÌNH LỘC	04/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
544	TD608	Toán học	LƯƠNG THỊ LIÊN	20/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
545	TD609	Ngữ văn	PHẠM THỊ THÚY AN	10/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
546	TD610	Văn thư	NGUYỄN THỊ MAI THI	27/11/1970	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
547	TD611	Hóa học	TRẦN TÂN PHƯỚC	14/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
548	TD612	Hóa học	NGUYỄN TRẦN ANH KHOA	03/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
549	TD613	Công nghệ thông tin	LÊ TRẦN NHẬT QUANG	11/11/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
550	TD614	Tiếng Anh	NGUYỄN XUÂN THẨM	25/01/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
551	TD615	Sinh học	PHẠM THỊ CẨM TÚ	25/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
552	TD616	Văn thư	PHẠM THỊ CÚC	10/12/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
553	TD617	Thư Viện	LÊ THỊ TUYẾT PHƯƠNG	18/06/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
554	TD618	Công nghệ thông tin	PHÙ THỊ TIẾN	20/01/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
555	TD619	Toán học	NGUYỄN BÌNH KHÔI	16/07/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
556	TD620	Công nghệ thông tin	PHẠM THU HỒNG	20/05/1981	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Âm nhạc	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
557	TD621	Ngữ văn	MẠC THỊ TRÚC LINH	30/09/1996	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
558	TD622	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG	20/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
559	TD623	Giáo dục công dân	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	28/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục công dân	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
560	TD624	Tiếng Anh	TRẦN NGUYỄN QUỲNH HUƠNG	02/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
561	TD625	Tiếng Anh	TRỊNH THỊ Tú LINH	26/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
562	TD626	Tiếng Anh	NGUYỄN ĐIỀU LINH	15/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
563	TD627	Vật lý	TRẦN THỊ KIM HỒNG	06/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
564	TD628	Tiếng Anh	ĐƯƠNG HẠNH NGUYỄN	11/06/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
565	TD629	Địa lý	TRƯƠNG THỊ HUƠNG	30/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
566	TD630	Ngữ văn	ROÂN THỊ TRANG	25/08/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
567	TD631	Hóa học	Lê Hoàng Nam	03/07/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
568	TD632	Giáo dục công dân	CHÂU HỒNG PHÚC	02/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
569	TD633	Thủ quỹ	NGUYỄN LÊ VIỆT	26/09/1979	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	(1)
570	TD634	Thế dục	NGUYỄN THỊNH ĐẠT	15/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
571	TD635	Toán học	HÀ BẢO TÂM	28/02/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
572	TD636	Địa lý	NGUYỄN VĂN TOÀN	06/06/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
573	TD637	Tiếng Anh	TÀNG THỊ MINH TÂM	14/11/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
574	TD638	Toán học	HOÀNG THỊ HÀ	05/05/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
575	TD639	Tin học	TRẦN XUÂN BÍCH ANH	17/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
576	TD640	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ THÚY	19/01/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
577	TD641	Hóa học	LÊ TUẤN ĐẠT	30/08/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
578	TD642	Giáo dục quốc phòng	TRẦN HỮU TRỌNG	15/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
579	TD643	Vật lý	LÊ NHẬT CHUÔNG	12/04/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
580	TD644	Thế dục	PHẠM THỊ DIJU	06/01/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(2)
581	TD645	Sinh học	NGUYỄN THỊ TRANG	30/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
582	TD646	Sinh học	TRẦN THỊ THANH NGÂN	16/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
583	TD647	Tiếng Anh	PHAN HỒNG LINH	29/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	Không
584	TD648	Toán học	NGUYỄN THỊ NHẬT HÀ	04/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
585	TD649	Sinh học	LŨ THỊ THANH NGA	12/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
586	TD650	Vật lý	PHẠM THANH SANG	23/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(2)
587	TD651	Thế dục	ĐINH CÁC PHƯƠNG QUYÊN	09/05/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
588	TD652	Tiếng Pháp	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	28/09/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Pháp	Không	Kỹ thuật viên	Đại học	Không	Không	Không
589	TD653	Ngữ văn	TẠ UYÊN VY	08/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
590	TD654	Vật lý	NGUYỄN TRỌNG QUỐC	22/09/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
591	TD655	Vật lý	TRẦN MẠNH HÙNG	02/05/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
592	TD656	Toán học	LÊ THỊ THU HƯỜNG	28/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
593	TD657	Toán học	HỒ XUÂN QUẢN	01/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
594	TD658	Ngữ văn	PHAN NGUYỄN KIM KHÁNH	15/10/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
595	TD659	Hóa học	NGUYỄN THỊ DUNG	05/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
596	TD660	Hóa học	TRẦN THỊ BÀ Y	04/08/1993	Nữ	Nùng	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
597	TD661	Hóa học	NGUYỄN THỊ ÁI THU	26/02/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
598	TD662	Hóa học	VÕ HOÀNG THÚY VÂN	02/06/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
599	TD663	Ngữ văn	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	20/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
600	TD664	Ngữ văn	TRẦN NHÂN QUÝ	27/03/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
601	TD665	Hóa học	LƯƠNG THỊ DIỄM PHƯƠNG	17/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
602	TD666	Toán học	LÊ PHẠM MINH THÁI	15/03/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
603	TD667	Tin học	VÕ THỊ VÂN	07/10/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
604	TD668	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ DUYÊN	24/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
605	TD669	Sinh học	NGUYỄN VIỆT SỬ	18/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
606	TD670	Hóa học	HUỖNH VĂN HIỀN	19/08/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
607	TD671	Sinh học	NGUYỄN THỊ HOÀI	17/09/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
608	TD672	Thiết bị, phòng thí nghiệm	ĐỖ QUỐC THỊNH	01/05/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
609	TD673	Vật lý	NGŨ NHƯ LONG	25/04/1994	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
610	TD674	Tiếng Anh	MAI PHƯƠNG ANH	13/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
611	TD675	Lịch sử	NGUYỄN THỊ HIẾU	20/08/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
612	TD676	Vật lý	TRẦN THỊ VINH	02/01/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
613	TD677	Lịch sử	LÊ THỊ HƯƠNG	30/09/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
614	TD678	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	05/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
615	TD679	Giáo dục quốc phòng	LÊ HOÀNG HẢI	03/05/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
616	TD680	Vật lý	PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	17/12/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
617	TD681	Sinh học	TRỊNH XUÂN CƯƠNG	09/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
618	TD682	Giáo dục công dân	LÊ THỊ KIỀU OANH	20/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
619	TD683	Toán học	LÊ PHONG	23/10/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
620	TD684	Hóa học	NGUYỄN TUYẾT MINH	06/03/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
621	TD686	Ngữ văn	TRẦN THỊ KIM THOẠI	04/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
622	TD687	Toán học	ĐÀO THUYẾT TIỀN	03/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
623	TD689	Hóa học	VŨ THẾ NGỌC OANH	29/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
624	TD691	Giáo dục công dân	ĐỖ THỊ THANH XUÂN	08/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
625	TD692	Toán học	ĐỖ TRẦN HOÀI PHƯƠNG	16/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
626	TD693	Tin học	NGUYỄN HỮU BÌNH	06/04/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
627	TD694	Hóa học	VÔ HÙNG THÁI	03/06/1974	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
628	TD695	Tin học	NGUYỄN THỊ NỮ	01/06/1976	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
629	TD697	Hóa học	CAO NHẬT NAM	09/07/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
630	TD698	Vật lý	HỒ THỊ THẢO NƯƠNG	20/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
631	TD699	Vật lý	TÔ THỊ NGỌC LỢI	04/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
632	TD700	Tiếng Anh	NGUYỄN VIỆT KIỀU ANH	06/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRK1 I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
633	TD701	Thủ quỹ	DUƠNG THỊ LAN HƯƠNG	05/10/1973	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
634	TD702	Toán học	PHAN HOÀNG PHÚC	23/05/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
635	TD703	Toán học	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	28/02/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
636	TD704	Thể dục	LÊ THỊ NGỌC HIỀN	10/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
637	TD705	Thủ quỹ	LÊ THỊ GIANG	02/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
638	TD706	Văn thư	VƯƠNG TRẦN THANH TÚ	23/08/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
639	TD707	Thể dục	NGUYỄN HUỲNH NAM	17/08/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
640	TD708	Vật lý	NGUYỄN HOÀNG LỰC	04/08/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
641	TD709	Tin học	LÊ PHONG PHÚ	23/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
642	TD710	Toán học	ĐOÀN THỊ CẨM TIỀN	27/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
643	TD711	Hóa học	PHẠM THỊ THU THÚY	10/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
644	TD712	Ngữ văn	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	05/04/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
645	TD713	Thể dục	ĐINH VŨ	23/08/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/ng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
646	TD714	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ MAI	05/01/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
647	TD715	Vật lý	THÂN ÁI	07/08/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
648	TD716	Toán học	HOÀNG THỊ HIỆP	06/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
649	TD717	Hóa học	BÙI THỊ KIM NGÂN	04/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
650	TD718	Giáo dục công dân	NGUYỄN TÂM HIỀN	04/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
651	TD719	Hóa học	ĐU’ THỊ THANH XUÂN	24/08/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
652	TD720	Tin học	LÊ HOÀNG KHÔI	06/10/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Khoa học máy tính	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Thạc sĩ	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
653	TD722	Hóa học	PHAN THANH TÂN	16/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
654	TD724	Toán học	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG LONG	20/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
655	TD725	Vật lý	LÊ THỊ HƯỜNG	05/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
656	TD726	Ngữ văn	Bùi Thị Thao	18/06/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
657	TD727	Hóa học	TRƯƠNG THỊ LÂM THẢO	25/05/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
658	TD728	Toán học	TRẦN PHƯƠNG DUY	09/03/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
659	TD729	Toán học	TIÊU BỬU VINH	08/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
660	TD730	Toán học	NGUYỄN VĂN TIỀN	06/09/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
661	TD731	Toán học	HOÀNG THỊ HOÀI THU	10/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
662	TD732	Lịch sử	NGUYỄN TUẤN ANH	14/07/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
663	TD733	Lịch sử	LƯU THỊ HỒNG YẾN	15/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
664	TD734	Lịch sử	PHÙNG QUỐC HUƠNG	07/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
665	TD735	Vật lý	BÙI THU TRANG	09/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
666	TD736	Toán học	PHẠM XUÂN QUỲNH	05/05/1982	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
667	TD737	Lịch sử	CAO THỊ SUỐT	21/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
668	TD738	Vật lý	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	27/12/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
669	TD739	Thể dục	NGUYỄN NGỌC LAN ĐÀO	20/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
670	TD740	Thể dục	LÂM TÂN HOÀNG	17/06/1993	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
671	TD741	Công nghệ thông tin	ĐÀO HOÀNG HẢI	04/08/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
672	TD742	Hóa học	ĐINH THỊ NGỌC QUYÊN	10/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
673	TD743	Tin học	ĐỖ TRUNG HỌC	11/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
674	TD744	Toán học	VÕ THỊ HỒNG SƯƠNG	21/10/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
675	TD745	Hóa học	HÀ TRỌNG PHA	25/11/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
676	TD746	Hóa học	NGUYỄN NGỌC KIỀU VY	28/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
677	TD747	Văn thư	MAI THỊ THÚY LUY	24/02/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
678	TD748	Mỹ thuật	TÔ TUỆ MÃN	24/06/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Mỹ thuật	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
679	TD749	Vật lý	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	21/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
680	TD750	Giáo dục quốc phòng	LÂM THỊ ÁI HOA	18/05/1997	Nữ	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
681	TD751	Giáo dục quốc phòng	PHẠM THỊ THIỆN	18/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
682	TD752	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	12/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
683	TD753	Hóa học	HUỶNH VĂN TOÀN	26/09/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
684	TD755	Ngữ văn	ĐOÀN THỊ THÚY KIỀU	19/10/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
685	TD756	Thủ quỹ	DƯƠNG THỊ KIỀU OANH	26/05/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
686	TD757	Tin học	LÊ THỊ QUỲNH CHI	20/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
687	TD758	Toán học	TRẦN TRUNG TÍN	27/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
688	TD759	Hóa học	PHẠM THỊ THUƠNG	14/10/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
689	TD760	Vật lý	TRƯƠNG QUANG HIẾN	04/01/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
690	TD761	Tiếng Anh	ĐỖ THỊ HOÀNG YẾN	25/12/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Thạc sĩ	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
691	TD762	Toán học	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THUẬN	13/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
692	TD763	Toán học	NGUYỄN THỊ HẢI NAM	04/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
693	TD764	Tiếng Anh	PHẠM NGUYỄN NGỌC MAI	04/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
694	TD765	Toán học	NGUYỄN NGỌC TÂM	25/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
695	TD766	Toán học	PHẠM THỊ THANH HẰNG	04/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
696	TD767	Tiếng Anh	LINH NGỌC CHĂM	11/07/1992	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
697	TD769	Ngữ văn	TẠ HUỲNH TIỂU LINH	29/09/1996	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
698	TD770	Ngữ văn	HỒ THỊ HẢI LÝ	07/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
699	TD771	Toán học	VÕ QUỐC TRUNG	10/09/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
700	TD772	Vật lý	CHUNG ANH CÔNG THOẠI	18/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
701	TD773	Vật lý	VY ANH VƯƠNG	25/09/1994	Nam	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
702	TD774	Thế dục	LÊ CÔNG MINH	15/09/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
703	TD775	Vật lý	TẠ THỊ NGÀ	10/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
704	TD776	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HOÀI	08/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
705	TD777	Thế dục	TẠ THỊ THU YẾN	14/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
706	TD778	Vật lý	BÙI BÍCH THẢO	05/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
707	TD779	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	17/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
708	TD780	Hóa học	NGÔ NGỌC HỢP	28/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
709	TD781	Thế dục	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	15/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
710	TD784	Thư Viện	HỒNG GẮM	05/01/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
711	TD786	Vật lý	LÂM DUY NHẬT	02/09/1987	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
712	TD787	Toán học	NGUYỄN THỊ NGÂN	13/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
713	TD788	Tin học	NGUYỄN BÌNH AN	22/02/1979	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
714	TD789	Toán học	HỒ THỊ NGỌC HOA	21/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
715	TD790	Thế dục	ĐỖ QUANG ĐẠT	12/10/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
716	TD791	Vật lý	NGUYỄN THỊ XUÂN THÚ	04/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
717	TD792	Hóa học	ĐỖ THỊ THU HƯỜNG	09/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
718	TD794	Hóa học	LÊ NHẬT THỦY	28/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
719	TD795	Ngữ văn	TRẦN THANH ĐAM	27/06/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
720	TD796	Tiếng Anh	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	15/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
721	TD797	Công nghệ thông tin	NGUYỄN VÕ THẢO SANG	06/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
722	TD798	Vật lý	VÕ MINH THÀNH	01/04/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
723	TD799	Hóa học	HỒ THỊ THU HƯƠNG	23/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
724	TD800	Thế dục	LẠC CHÍ ĐỨC	24/10/1995	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
725	TD801	Hóa học	TRẦN MINH HIỀN	25/10/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
726	TD802	Hóa học	PHAN THỊ THANH TUYỀN	13/09/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
727	TD803	Hóa học	LÊ PHẠM HỮU TÂM	03/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
728	TD805	Ngữ văn	MAI THỊ MỘNG LÀNH	10/11/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
729	TD806	Công nghệ (KTCN)	LÂM QUANG TUYẾN	27/07/1973	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
730	TD807	Tiếng Anh	TRƯƠNG THỊ MỸ THUẬN	27/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFL A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
731	TD808	Vật lý	LÊ HOÀNG CÁT Tiên	16/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
732	TD809	Vật lý	PHAN THỊ HẢI DƯƠNG	26/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
733	TD810	Tiếng Anh	PHẠM THỊ HƯỜNG	27/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 4/ TRKI II/ DELFL B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
734	TD811	Địa lý	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	17/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
735	TD812	Lịch sử	NGUYỄN THANH KIM NGỌC	12/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
736	TD813	Ngữ văn	VŨ HỒNG LÝ	07/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
737	TD814	Lịch sử	LÊ ĐỨC TIẾN	22/08/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
738	TD815	Toán học	NGUYỄN THIÊN PHÚC	26/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
739	TD816	Vật lý	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	23/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
740	TD817	Lịch sử	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	19/07/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
741	TD818	Toán học	NGUYỄN TRẦN LAN CHI	12/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
742	TD819	Công nghệ (KTCN)	VŨ HOÀNG NGUYỆT NƯƠNG	16/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
743	TD820	Toán học	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	16/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
744	TD821	Tin học	CHÂU THỊ MINH PHƯƠNG	23/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
745	TD822	Tin học	TRẦN THẢO NGỌC	01/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
746	TD823	Tin học	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN	18/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
747	TD824	Hóa học	NGÔ THÙY TRANG	20/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
748	TD825	Ngữ văn	TRẦN THÙY HƯƠNG	11/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
749	TD826	Vật lý	NGUYỄN THỊ LỆ TRINH	21/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
750	TD828	Toán học	BÙI THU HƯƠNG	14/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
751	TD829	Toán học	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	30/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
752	TD830	Toán học	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	01/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
753	TD831	Vật lý	NGUYỄN ANH NGỌC	22/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
754	TD832	Vật lý	NGÔ NGỌC THỦY	25/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
755	TD833	Địa lý	ĐỖ THỊ TRÀ MY	02/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
756	TD834	Tiếng Anh	ĐỖ THANH THÚY	07/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
757	TD835	Thủ quỹ	TRẦN NGUYỄN ĐÀI NGUYỄN	15/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kinh tế	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
758	TD836	Toán học	ĐOÀN MINH TÂN	22/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
759	TD837	Toán học	BIỆN TẤN NHẤT HUY	08/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
760	TD838	Toán học	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	03/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
761	TD839	Lịch sử	ĐÀO LÊ THANH HOÀNG	28/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
762	TD840	Tiếng Pháp	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	21/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Pháp	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
763	TD842	Toán học	NGUYỄN MINH SANG	30/09/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
764	TD843	Hóa học	TRẦN VĂN TIẾN	14/05/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
765	TD844	Toán học	NGUYỄN KHUƠNG DUY	20/11/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
766	TD845	Lịch sử	KIM THỊ THÙY TRANG	01/09/1990	Nữ	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
767	TD847	Vật lý	MAI THANH HIỆP	02/05/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
768	TD848	Hóa học	NGUYỄN THỊ QUẾ MINH	20/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
769	TD849	Vật lý	LÊ NGUYỄN HÂN CHÂU	18/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
770	TD850	Toán học	DUƠNG HỒ KIM TRINH	03/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
771	TD851	Toán học	TRẦN THỊ MỘNG TUYẾN	10/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
772	TD852	Toán học	TRẦN THỊ THẢO VY	27/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
773	TD853	Toán học	ĐINH QUỐC HIẾN	20/09/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
774	TD854	Toán học	NGÔ TRẦN THÚY TIỀN	10/11/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
775	TD855	Hóa học	LÂM GIA HÂN	15/12/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
776	TD856	Công nghệ (KTCN)	HUỖNH THỊ HỒNG CẨM	13/01/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
777	TD857	Toán học	HUỖNH ANH Kiệt	23/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
778	TD858	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	18/06/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
779	TD859	Ngữ văn	ĐỖ THỊ THÙY	20/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
780	TD860	Toán học	VÕ THỊ THANH THẢO	27/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
781	TD861	Lịch sử	NGUYỄN ĐỖ NGUYỆT TRÚC	09/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
782	TD862	Vật lý	THÁI HỒNG ĐIỆP	08/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
783	TD863	Thế dục	TRẦN VĂN ĐỘ	05/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
784	TD864	Vật lý	KIM YẾN	09/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
785	TD865	Tiếng Anh	LƯƠNG TRẦN NGỌC QUỲNH	04/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 6/ Trình độ C2/ IELTS 8-9/ CPE/ BULATS 90	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
786	TD866	Toán học	HÀ TRUNG NGHĨA	06/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
787	TD867	Vật lý	LÊ THỊ PHI THUYỀN	01/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
788	TD868	Vật lý	ĐỖ ÁNH NGỌC	18/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
789	TD870	Toán học	NGUYỄN THÀNH CÔNG	07/08/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
790	TD871	Tiếng Anh	NGUYỄN HUỲNH MINH MÃN	08/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
791	TD872	Toán học	VÕ THANH TÂN	01/12/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
792	TD873	Vật lý	PHẠM TRƯỜNG THỊNH	20/07/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
793	TD874	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	24/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
794	TD875	Lịch sử	NGUYỄN THỊ MỸ	07/03/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
795	TD876	Ngữ văn	PHẠM TỎNG	06/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
796	TD877	Thủ quỹ	PHAN NGỌC MỸ QUỲNH	30/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
797	TD878	Vật lý	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	23/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
798	TD879	Toán học	NGUYỄN THỊ TRANG	10/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
799	TD880	Hóa học	VÕ NGỌC LAN	24/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
800	TD881	Ngữ văn	NGUYỄN CÔNG HẬU	21/04/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
801	TD882	Ngữ văn	TRẦN THỊ LAN ANH	01/12/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
802	TD883	Ngữ văn	TRƯƠNG THỊ YẾN NHI	29/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(2)
803	TD884	Sinh học	DUƠNG THỊ THANH AN	26/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
804	TD885	Tin học	VŨ VĂN CÔNG	19/11/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
805	TD886	Toán học	ĐOÀN THANH HẢI	04/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Không	Không	Không
806	TD887	Hóa học	NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG HÀ	29/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
807	TD888	Toán học	NGUYỄN THANH DŨNG	16/10/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
808	TD889	Tiếng Anh	LƯƠNG THẾ SONG	04/11/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
809	TD890	Tiếng Anh	VÕ THU NGÂN	27/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
810	TD891	Hóa học	ĐOÀN TRƯỜNG PHƯỚC	31/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
811	TD893	Lịch sử	PHẠM VĂN DŨNG	11/04/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
812	TD894	Lịch sử	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI	13/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
813	TD895	Sinh học	ĐẶNG KIM XUYẾN	01/01/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
814	TD896	Toán học	LÊ TRƯỜNG EM	07/08/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
815	TD897	Ngữ văn	PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG	08/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
816	TD898	Hóa học	TRẦN ĐẠI QUỲNH	13/05/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
817	TD899	Toán học	TRẦN THẾ QUANG	26/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
818	TD900	Toán học	ĐẶNG THỊ NGÂN	20/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
819	TD901	Văn thư	HUỖNH THỊ KIM XUYẾN	26/11/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hệ thống thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
820	TD902	Hóa học	PHAN THỊ HIỆP	22/02/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
821	TD906	Sinh học	ĐOÀN THỊ THANH YẾN	05/10/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
822	TD907	Toán học	PHAN THỊ BÍCH HÀ	11/06/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
823	TD908	Lịch sử	PHẠM NGỌC DIỄM	01/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
824	TD909	Vật lý	NGUYỄN TUYẾT TRINH	30/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
825	TD910	Ngữ văn	LÊ THỊ HUỠNG	12/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
826	TD912	Hóa học	NGUYỄN QUỐC BẢO	06/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
827	TD913	Hóa học	NGUYỄN VĨNH MẠNH	23/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
828	TD914	Ngữ văn	LƯƠNG THỊ THU HIỀN	15/10/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
829	TD915	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN TRUNG THÀNH	25/09/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
830	TD916	Giáo dục quốc phòng	LÊ MINH CHIẾN	10/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
831	TD917	Thư Viện	LUÔNG THỊ THÚY	07/05/1988	Nữ	Tày	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
832	TD918	Văn thư	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	20/10/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
833	TD919	Toán học	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	05/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
834	TD920	Lịch sử	ĐOÀN HƯƠNG THỊ KIỀU MI	01/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
835	TD921	Hóa học	HUỲNH ĐẶNG NHƯ TRÂM	19/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
836	TD922	Thể dục	TRẦN HUY HOÀNG	01/07/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
837	TD923	Giáo dục quốc phòng	HUỲNH THỊ THANH HUỆ	13/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
838	TD924	Toán học	LÊ NHẬT PHONG	23/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
839	TD926	Địa lý	PHAN THỊ THÙY NHUNG	20/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
840	TD927	Hóa học	TRÁC MINH NHÂN	15/09/1996	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
841	TD928	Lịch sử	HÀN QUANG THOẠI	14/05/1989	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
842	TD929	Hóa học	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/08/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
843	TD930	Sinh học	NGUYỄN VĂN BÉ HAI	17/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
844	TD932	Toán học	ĐẶNG ĐÀO THIÊN AN	16/07/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
845	TD933	Vật lý	TRANG NGUYỄN MINH HẰNG	03/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
846	TD934	Địa lý	LÊ THỊ NHỰ	23/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
847	TD935	Giáo dục công dân	NGUYỄN VĂN DỰ	12/04/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục công dân	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
848	TD936	Thiết bị, phòng thí nghiệm	NGUYỄN THÀNH TRUNG	02/01/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
849	TD937	Vật lý	NGUYỄN THỊ HẰNG	30/06/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
850	TD938	Toán học	TRỊNH TUẤN HIỀN	22/04/1997	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
851	TD939	Vật lý	NGÔ THỊ PHƯƠNG CHI	02/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
852	TD941	Toán học	TRẦN HUY LIÊM	06/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
853	TD942	Toán học	VĂN CÔNG TRƯỜNG	14/12/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
854	TD943	Tiếng Anh	LÝ THỊ NGỌC LINH	10/01/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
855	TD944	Địa lý	ĐƯƠNG NGỌC THUẬN	19/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
856	TD945	Giáo dục quốc phòng	HỒ THỊ THANH HƯƠNG	10/10/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
857	TD946	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC THIỆN	22/06/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
858	TD947	Sinh học	LÊ HỒ CẨM VÂN	17/08/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
859	TD948	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THÀNH	03/06/1975	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
860	TD949	Ngữ văn	HÀ NGÂN TRANG	01/09/1996	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
861	TD950	Tin học	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG TRINH	19/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
862	TD951	Sinh học	NGUYỄN NGỌC HUỲNH TRÂM	14/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
863	TD955	Hóa học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	22/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
864	TD956	Công nghệ thông tin	TRẦN QUANG HIẾU	15/08/1970	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
865	TD957	Thế dục	KIM VĂN Toán	18/05/1992	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
866	TD958	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN CẨM HỒNG	08/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
867	TD959	Vật lý	NGUYỄN THỊ THÚY	22/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
868	TD960	Hóa học	PHẠM THỊ KIM TUYẾN	30/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
869	TD961	Toán học	MAI THỊ HỒNG	06/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
870	TD962	Vật lý	ĐÀM VIỆT THẮNG	03/07/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
871	TD963	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN ĐỨC TÀI	04/11/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
872	TD964	Tin học	LƯU THỊ HỒNG	08/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
873	TD965	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	24/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
874	TD966	Hóa học	NGUYỄN THỊ THANH KIM HUỆ	01/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
875	TD967	Toán học	BUI ĐỨC THIÊN NGỌC SƠN	17/02/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
876	TD968	Văn thư	TRẦN PHAN PHI PHỤNG	15/08/1998	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
877	TD969	Thủ quỹ	NGUYỄN TUYẾT CƯƠNG	01/07/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
878	TD970	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	21/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
879	TD971	Vật lý	HUỲNH THỊ MỸ DUYÊN	06/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
880	TD972	Công nghệ thông tin	TRẦN THỊ THU	29/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
881	TD973	Toán học	NGUYỄN THỊ THẨM	01/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
882	TD974	Toán học	HÀ THỊ MAI	13/04/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
883	TD975	Hóa học	TRỊNH THỊ THU THÙY	01/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
884	TD976	Vật lý	NGUYỄN THỊ THU BA	29/06/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
885	TD977	Lịch sử	NGUYỄN HOÀNG NHƯ' YẾN	12/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
886	TD978	Toán học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	18/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
887	TD979	Lịch sử	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG	09/02/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
888	TD980	Toán học	PHÙNG ĐỒ THIẾT SANG	26/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
889	TD981	Ngữ văn	NGUYỄN THU VY	20/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
890	TD982	Sinh học	TRẦN THUY THẠCH THẢO	22/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
891	TD983	Ngữ văn	SÂM THỊ HẬU	26/11/1995	Nữ	Thái	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
892	TD984	Hóa học	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	18/09/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
893	TD985	Toán học	NGUYỄN XUÂN TÍNH	07/12/1979	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
894	TD986	Giáo dục quốc phòng	PHAN THỊ CẨM TÚ	07/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
895	TD987	Toán học	CAO THỊ AN	06/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
896	TD988	Địa lý	NGÔ THANH HỒNG	13/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
897	TD989	Toán học	NGUYỄN HỮU TÍNH	02/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
898	TD990	Toán học	NGUYỄN THỊ BẢO KHUYÊN	09/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
899	TD991	Toán học	NGUYỄN THỊ HÀN THUYỀN	19/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
900	TD992	Toán học	NGUYỄN TUÔNG NHIÊN	10/03/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850		Không	Không
901	TD993	Vật lý	VÕ TIỀN ANH	10/04/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
902	TD994	Hóa học	LÊ NGUYỄN HOÀN PHƯƠNG	23/12/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
903	TD995	Hóa học	PHẠM THÙY LY	09/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
904	TD996	Thế dục	PHẠM ĐỒNG THƯƠNG	20/07/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.	Không
905	TD997	Sinh học	LỤC PHẠM MINH TUẤN	07/11/1990	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sinh học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
906	TD998	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	29/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
907	TD1000	Vật lý	HỒ THỊ THANH SANG	20/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
908	TD1001	Toán học	HÀN QUỐC DŨNG	17/07/1991	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
909	TD1002	Vật lý	TRẦN THANH LAN	25/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
910	TD1003	Toán học	NGUYỄN THỊ XUÂN CHI	01/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
911	TD1004	Toán học	NGUYỄN ĐỨC DANH	06/02/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
912	TD1005	Lịch sử	SÂM THÙY NGỌC NHI	10/12/1995	Nữ	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
913	TD1007	Hóa học	TRẦN THỊ THU	04/05/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
914	TD1008	Tiếng Anh	MAI THỊ PHUƠNG	27/11/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	(1)
915	TD1010	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	21/02/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ	Không	Không	Không
916	TD1011	Hóa học	DUY THỊ HỒNG NHUNG	22/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
917	TD1012	Địa lý	PHẠM THỊ KIỀU OANH	10/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
918	TD1013	Giáo dục quốc phòng	LÊ NHẬT TRƯỞNG	06/04/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
919	TD1014	Tiếng Anh	VÕ QUỐC TUẤN	06/10/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
920	TD1015	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	15/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
921	TD1016	Toán học	NGUYỄN VŨ NHƯ LÂN	26/04/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
922	TD1017	Tin học	Trần Phan Tiến Phát	23/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
923	TD1019	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	15/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
924	TD1020	Toán học	THÁI LÊ MINH LÝ	03/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
925	TD1021	Toán học	PHẠM NGUYỄN THANH TÙNG	16/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
926	TD1023	Giáo dục công dân	TRẦN THỊ UYÊN PHƯƠNG	15/03/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
927	TD1024	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
928	TD1025	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN CHÍ LINH	25/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
929	TD1026	Toán học	VŨ THỊ HỒNG SEN	09/12/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
930	TD1027	Toán học	NGUYỄN THỊ HUỆ	09/09/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
931	TD1028	Công nghệ thông tin	PHẠM THỊ LỆ	25/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
932	TD1029	Ngữ văn	BÙI THỊ HƯƠNG	02/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
933	TD1030	Vật lý	VŨ THỊ NGỌC HÀ	02/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
934	TD1031	Hóa học	HỒ A TRỌNG	01/01/1996	Nam	Nùng	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con dè của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
935	TD1032	Vật lý	LŨ LÝ HOÀNG	02/12/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
936	TD1033	Lịch sử	TRẦN THỊ KIM QUYẾN	25/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
937	TD1035	Tiếng Anh	MAI THỊ KIM DUYỀN	30/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
938	TD1036	Tin học	TRẦN NGỌC THU	07/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
939	TD1037	Toán học	TÀNG XUÂN SƠN	21/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
940	TD1038	Toán học	VŨ THỊ HƯƠNG DIỄM	25/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
941	TD1039	Sinh học	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	31/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
942	TD1040	Vật lý	NGUYỄN HOÀNG OANH	17/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
943	TD1041	Toán học	PHAN CHÍ THIỆN	23/09/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
944	TD1042	Toán học	PHẠM CHÍ THÀNH	20/04/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
945	TD1045	Tiếng Anh	PHẠM NGỌC THẢO	13/09/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Thạc sĩ	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA 2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
946	TD1046	Tin học	NGUYỄN TRẦN THANH VŨ	25/02/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
947	TD1047	Hóa học	TRẦN THỊ HOÀI NHƯ	09/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
948	TD1048	Địa lý	LƯƠNG THỊ VINH	12/08/1985	Nữ	Thái	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
949	TD1049	Hóa học	ĐẶNG HỮU TOÀN	10/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
950	TD1050	Công nghệ thông tin	PHẠM NHẬT HOÀNG	13/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
951	TD1051	Vật lý	NGUYỄN VĂN ĐẠI	31/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
952	TD1052	Sinh học	HOÀNG THỊ BÍCH THẢO	20/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
953	TD1053	Sinh học	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	10/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
954	TD1054	Toán học	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THANH	17/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
955	TD1055	Toán học	VÕ THỊ TUƠNG VY	15/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
956	TD1056	Thiết bị, phòng thí nghiệm	PHAN TÂN TRỰC	13/07/1969	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thiết bị Thí nghiệm	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
957	TD1057	Vật lý	LƯƠNG MINH THƯ	14/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
958	TD1058	Sinh học	NGUYỄN THỊ TRÚC THẢO	08/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
959	TD1059	Ngữ văn	ĐỖ MINH TRÍ	03/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
960	TD1060	Hóa học	NGUYỄN THIÊN ÂN	15/07/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
961	TD1061	Vật lý	NGUYỄN BÔNG	02/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
962	TD1062	Toán học	MAI VŨ LINH ĐAN	19/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
963	TD1064	Hóa học	NGUYỄN THÔI	30/10/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
964	TD1065	Ngữ văn	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	02/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
965	TD1066	Thẻ dự	HUỖNH THỊ NGỌC THUYẾT	28/11/1976	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
966	TD1067	Toán học	NGUYỄN HOÀNG KIM SANG	01/09/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
967	TD1069	Hóa học	PHẠM THỊ HUỆ	10/10/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
968	TD1070	Giáo dục quốc phòng	ĐÀO NGÔ PHÚC TRIỀU	01/10/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
969	TD1071	Giáo dục quốc phòng	LÊ PHẠM THÀNH DUY	21/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
970	TD1072	Toán học	TRẦN NGỌC HIỀN	24/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
971	TD1073	Hóa học	PHAN THỊ HỒNG NGỌC	16/08/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
972	TD1074	Vật lý	HOÀNG VĂN ANH	06/02/1983	Nam	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
973	TD1075	Ngữ văn	BUI THỊ HUỆ	16/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
974	TD1076	Giáo dục công dân	TRẦN VĂN PHỤNG	25/09/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục công dân	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
975	TD1077	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	26/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
976	TD1078	Thẻ dự	VÕ CHÁNH TRỰC	06/05/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
977	TD1079	Hóa học	NGUYỄN THỊ CÚC	20/10/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
978	TD1080	Tiếng Anh	LÊ NGUYỄN VŨ	27/01/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
979	TD1081	Hóa học	NGUYỄN NGỌC THU NGÂN	12/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
980	TD1082	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN ĐÌNH HUY	30/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
981	TD1083	Sinh học	DUƠNG THỊ VẤN	02/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
982	TD1084	Sinh học	PHẠM THỊ HỒNG NGOAN	14/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
983	TD1085	Tin học	HUỶNH HUỆ BÌNH	31/10/1995	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	Không
984	TD1086	Ngữ văn	TRẦN THỊ KIM NGÂN	20/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
985	TD1087	Tiếng Anh	DANH HẢI YẾN	28/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
986	TD1088	Toán học	TRẦN THỊ VÂN ANH	25/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
987	TD1089	Toán học	QUÁCH THỊ MỸ DUNG	29/06/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
988	TD1090	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ NỮ	23/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
989	TD1091	Toán học	TRẦN LÊ CẨM NHUNG	01/01/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
990	TD1092	Sinh học	ĐINH THỊ THU HIỀN	22/11/1993	Nữ	Chứt	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
991	TD1093	Vật lý	VÕ QUANG DUY	17/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
992	TD1094	Tiếng Anh	HỒ CHÂU HIẾU	29/05/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Đại học	Không	Không
993	TD1095	Ngữ văn	TRẦN THỊ THANH DUNG	10/11/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
994	TD1096	Hóa học	DUƠNG MINH HIỀN	10/03/1988	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
995	TD1097	Hóa học	VÕ THỊ TRÚC	01/09/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt :**

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
996	TD1098	Địa lý	HUỲNH THỊ TÚ ANH	10/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
997	TD1099	Thiết bị, phòng thí nghiệm	TRẦN THỊ MINH TUYỀN	20/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thiết bị Thí nghiệm	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
998	TD1100	Sinh học	HOÀNG THỊ PHƯƠNG PHÚC	29/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
999	TD1101	Vật lý	NGUYỄN THỊ HOÀNG VY	18/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1000	TD1102	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	24/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1001	TD1103	Toán học	NGUYỄN VĂN LƯƠN	02/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1002	TD1104	Tiếng Anh	NGUYỄN XUÂN BA	15/02/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Không	Không	Không
1003	TD1105	Công nghệ (KTCN)	TRƯƠNG QUANG ĐÔ	15/06/1977	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Kỹ thuật viên	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1004	TD1106	Vật lý	LÊ THỊ MỸ THẨM	12/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1005	TD1107	Vật lý	TRẦN TUỒNG Thi	30/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1006	TD1108	Tiếng Anh	PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG	21/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1007	TD1109	Tiếng Anh	NGUYỄN CÔNG VƯƠNG	20/04/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1008	TD1110	Tiếng Anh	PHẠM NGỌC HUY	12/08/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1009	TD1111	Tiếng Anh	NGUYỄN KIỀU MY	01/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1010	TD1112	Hóa học	HUỲNH THỊ KIM HOÀNG	16/11/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1011	TD1113	Tiếng Anh	ĐOÀN LÊ THANH PHONG	19/12/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1012	TD1114	Tin học	HỒ THỊ THI	25/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1013	TD1115	Toán học	TRƯƠNG NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	25/02/1993	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1014	TD1116	Vật lý	NGUYỄN HỮU PHÔNG	04/03/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
1015	TD1117	Hóa học	HOÀNG THỊ ANH THU	23/05/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1016	TD1118	Sinh học	TRẦN NGỌC HỒNG	22/12/1986	Nữ	Nùng	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1017	TD1119	Lịch sử	HỒ TRANH PHÍ	09/07/1996	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1018	TD1120	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	20/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1019	TD1121	Toán học	VÕ THANH LONG	02/01/1977	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1020	TD1122	Vật lý	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	16/04/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1021	TD1123	Thể dục	LƯU THỊ HIỆP	23/04/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1022	TD1124	Văn thư	LƯU HÀ NGỌC THÙY	09/11/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
1023	TD1126	Sinh học	NGÔ THỊ NGỌC SƯƠNG	19/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1024	TD1127	Sinh học	PHAN THỊ HẠNH TIỀN	21/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1025	TD1128	Vật lý	NGUYỄN VĂN PHONG	10/06/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1026	TD1129	Hóa học	HUỲNH THỊ NGỌC MAI	13/04/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1027	TD1130	Thủ quỹ	CAM MINH THÙY TRANG	24/08/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1028	TD1131	Toán học	VŨ THỊ HOA	09/02/1974	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1029	TD1132	Công nghệ thông tin	ÔN TRẦN NGỌC VINH	12/08/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1030	TD1133	Hóa học	NGUYỄN TUẤN THÀNH	05/10/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1031	TD1134	Hóa học	VŨ THỊ THÚY HƯƠNG	11/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1032	TD1135	Tiếng Anh	TRẦN NGUYỄN KỶ DUYỀN	11/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 6/ Trình độ C2/ IELTS 8-9/ CPE/ BULATS 90	Không	Không	Không
1033	TD1136	Hóa học	TRẦN THỊ LOAN	04/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1034	TD1137	Thế dục	PHẠM HỮU HUY	13/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1035	TD1138	Thế dục	NGUYỄN VIỆT SANG	07/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1036	TD1139	Sinh học	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	08/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1037	TD1140	Sinh học	ĐỖ MỸ DUYỀN	11/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1038	TD1141	Toán học	LÊ THỊ HOÀI TÂM	23/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1039	TD1142	Lịch sử	HOÀNG THANH HẰNG	19/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1040	TD1143	Giáo dục công dân	LÊ HỒNG THẨM	06/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1041	TD1145	Giáo dục quốc phòng	VŨ THỊ THU THUỜNG	10/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1042	TD1146	Công nghệ thông tin	DUỜNG HOÀNG NAM	13/10/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1043	TD1147	Địa lý	HỨA THỊ DIỆU HẰNG	02/11/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1044	TD1148	Hóa học	NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH	19/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1045	TD1149	Toán học	NGUYỄN THỊ MINH KHA	08/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1046	TD1150	Công nghệ thông tin	PHẠM MINH VIÊN	16/09/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(2)
1047	TD1151	Vật lý	HUỶNH THỊ PHƯƠNG LAN	13/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1048	TD1152	Tiếng Anh	NGUYỄN NGỌC THÚY HẰNG	26/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1049	TD1153	Hóa học	VÕ THỊ NGỌC HÀ	21/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1050	TD1154	Lịch sử	NGUYỄN VÕ ANH DŨNG	18/09/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1051	TD1156	Tiếng Anh	LÂM DIỄM MY	31/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 3/Trình độ C/ TRK1 I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1052	TD1157	Vật lý	ĐẶNG THỊ QUYỀN	03/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1053	TD1158	Sinh học	PHAN QUỲNH TRÂM	29/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1054	TD1159	Toán học	VŨ THỊ HỒNG BÍCH	27/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1055	TD1160	Công nghệ thông tin	TẶNG KIỀU DUNG	25/04/1981	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1056	TD1161	Thủ quỹ	NGUYỄN THỊ THANH MAI	04/08/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1057	TD1162	Hóa học	TRẦN THỊ NGÂN THOA	10/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1058	TD1163	Toán học	NGUYỄN KHOA ANH TUẤN	01/03/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1059	TD1164	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN HỒNG THÁI	28/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1060	TD1165	Hóa học	PHẠM QUANG TUẤN	12/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1061	TD1166	Công nghệ thông tin	PHAN THẾ SƠN	01/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1062	TD1167	Ngữ văn	NGUYỄN CHÍ TRUYỀN	13/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1063	TD1168	Sinh học	ĐINH THỊ HOÀI THƠ	22/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1064	TD1169	Hóa học	NGUYỄN THANH PHONG	12/09/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1065	TD1170	Hóa học	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	15/07/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1066	TD1171	Hóa học	VÕ NGỌC THÙY TRANG	06/12/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1067	TD1172	Toán học	NGUYỄN THỊ KIM LÊ	16/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1068	TD1173	Toán học	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	02/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1069	TD1174	Hóa học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	01/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1070	TD1175	Giáo dục công dân	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	23/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1071	TD1176	Lịch sử	ĐUƠNG VĂN TRIÊM	20/06/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Kỹ thuật viên	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1072	TD1177	Toán học	CÙ MINH KHƯƠNG	01/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1073	TD1178	Toán học	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	06/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1074	TD1179	Sinh học	BÙI THỊ KIM NGÂN	28/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1075	TD1180	Ngữ văn	MAI THỊ HUƠNG	28/10/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1076	TD1181	Toán học	PHẠM TRẦN THẢO DUNG	19/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1077	TD1182	Tiếng Anh	NGÔ THỊ THANH VÂN	07/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1078	TD1183	Tin học	TA VŨ HOÀI THƯƠNG	28/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1079	TD1184	Toán học	PHAN THỊ MỸ UYÊN	14/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1080	TD1185	Vật lý	NGUYỄN THỊ THẢO DUY	26/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1081	TD1186	Hóa học	NGUYỄN THỊ MỸ LỘC	09/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1082	TD1187	Hóa học	NGUYỄN ĐÌNH HẢO	04/10/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1083	TD1188	Hóa học	NGUYỄN KHÁNH THIÊN	21/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
1084	TD1189	Hóa học	BÊ NGỌC SANG	11/06/1996	Nam	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1085	TD1190	Tin học	PHAN THỊ THANH THẢO	24/07/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1086	TD1191	Tiếng Anh	PHẠM VĂN TIẾN	12/02/1974	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	(1)
1087	TD1192	Sinh học	TÔ THỊ THANH THÚY	04/10/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1088	TD1194	Vật lý	TRẦN NGUYỄN VŨ	01/05/1982	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1089	TD1195	Giáo dục quốc phòng	LÊ HOÀNG PHÚ	14/07/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1090	TD1197	Vật lý	TRẦN THÀNH NHÂN	05/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1091	TD1198	Vật lý	TRẦN NHƯ THẢO	30/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1092	TD1199	Toán học	LÊ THỊ THU	23/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1093	TD1200	Toán học	TRẦN THÁI LƯƠNG	13/07/1995	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Đại học	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1094	TD1201	Hóa học	ĐỖ MINH HÒA	10/09/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1095	TD1202	Hóa học	TRẦN THỊ MỸ LINH	09/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1096	TD1203	Tin học	LƯƠNG QUANG LỘC	28/01/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(1)
1097	TD1205	Toán học	TÔ THỊ THU TRANG	01/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1098	TD1208	Toán học	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	20/06/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1099	TD1209	Tiếng Anh	NGUYỄN THU HIỀN	20/08/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1100	TD1211	Địa lý	NGUYỄN THANH HOÀNG	09/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1101	TD1212	Toán học	TÔ HOÀNG THẬT	24/03/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1102	TD1214	Vật lý	TRẦN NGUYỄN HOÀNG DUY	23/09/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1103	TD1215	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	09/03/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1104	TD1216	Tiếng Anh	MAI THỊ VÂN	03/04/1975	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1105	TD1217	Hóa học	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	30/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1106	TD1218	Hóa học	ĐÀO THỊ THU HIỀN	06/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1107	TD1220	Toán học	TÔ HOÀI THANH	03/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1108	TD1221	Giáo dục công dân	ĐINH THỊ HOA	14/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1109	TD1222	Toán học	PHAN HUỲNH PHƯƠNG THÚY	02/02/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1110	TD1223	Ngữ văn	TRẦN THỊ DUYÊN	14/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1111	TD1224	Tiếng Anh	PHẠM THỊ THÚY	01/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1112	TD1226	Toán học	ĐẶNG THỊ THẢO NGUYỄN	16/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1113	TD1227	Toán học	NGUYỄN TUẤN ANH	15/10/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1114	TD1228	Giáo dục quốc phòng	TRƯƠNG THỊ MINH MẮN	27/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1115	TD1229	Vật lý	NGUYỄN THỊ VÂN	02/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1116	TD1230	Toán học	NGUYỄN QUỐC ÁN	26/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
1117	TD1231	Hóa học	VƯƠNG LÊ ÁI THẢO	03/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1118	TD1232	Toán học	LÊ THỊ THÙY DUNG	05/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1119	TD1233	Toán học	LÊ THỊ THÚY NGÀ	30/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1120	TD1234	Tin học	PHAN THỊ THUẬN	03/05/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Thạc sĩ	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1121	TD1235	Tiếng Anh	TRỊNH THỊ THU LAN	22/06/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Đại học	Không	Không
1122	TD1236	Tiếng Anh	HUỶNH KIM THIÊN HƯƠNG	30/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1123	TD1237	Tin học	NGUYỄN THỊ HUỠNG	29/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1124	TD1238	Toán học	TRẦN THỊ ÁNH VY	20/10/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1125	TD1239	Toán học	VÕ HỮU LÊ TRUNG	21/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1126	TD1240	Toán học	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	14/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1127	TD1241	Tiếng Anh	PHẠM NGỌC LAN PHƯƠNG	28/04/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1128	TD1242	Công nghệ (KTCN)	HUỶNH VĂN TÁ	02/02/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(1)
1129	TD1243	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	09/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1130	TD1244	Địa lý	PHẠM THỊ THANH THUẬN	24/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1131	TD1245	Toán học	HÀ THỊ NGUYỆT	18/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1132	TD1246	Ngữ văn	LÊ THỊ CẢNH BĂNG	01/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1133	TD1247	Ngữ văn	TRẦN THỊ KHAI	07/06/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1134	TD1248	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	03/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1135	TD1249	Toán học	NGUYỄN LÂM THÀNH LỘC	29/11/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1136	TD1250	Toán học	NGUYỄN THỊ THU HÒA	15/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1137	TD1251	Hóa học	PHAN THỊ THẢO TRÂM	21/02/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1138	TD1252	Hóa học	LÊ VIỆT LINH	02/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1139	TD1253	Hóa học	HUỲNH THỊ NGỌC CHÂU	05/10/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1140	TD1254	Hóa học	NGUYỄN THỊ TRÚC LAN	04/12/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1141	TD1255	Toán học	NGUYỄN THỊ THỦY NHUNG	05/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1142	TD1256	Hóa học	LÊ VĂN TRUNG HIẾU	05/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1143	TD1257	Hóa học	NGUYỄN THỊ THU THỦY	03/07/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1144	TD1258	Tiếng Anh	ĐOÀN THU MINH KHOA	13/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1145	TD1259	Tiếng Anh	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	08/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1146	TD1260	Tin học	TRẦN THẢO UYÊN	08/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1147	TD1261	Lịch sử	TRƯƠNG QUỐC KIM	02/11/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1148	TD1262	Hóa học	NGUYỄN THỊ CẨM GIANG	06/06/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1149	TD1263	Toán học	ĐẶNG MINH TRUNG	25/04/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1150	TD1264	Tiếng Anh	ĐẶNG NGUYỄN THÚY VY	22/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1151	TD1265	Thế dục	LƯU GIA MINH	27/06/2019	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1152	TD1266	Vật lý	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHOA	26/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1153	TD1267	Hóa học	PHAM THỊ HƯƠNG	28/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1154	TD1268	Toán học	TRẦN THỊ NGỌC	16/11/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1155	TD1269	Lịch sử	NGUYỄN ĐỨC HỒNG	12/03/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1156	TD1270	Toán học	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	26/02/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1157	TD1271	Toán học	LÊ THỊ HIỆP	05/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1158	TD1272	Tiếng Anh	NGUYỄN LƯU HẢI MINH	19/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 1/Trình độ A/ TEU/DELf A1/ Đức A1/HSK cấp 1/ JLPT N1/ Topik I-L1	Không	Không
1159	TD1273	Toán học	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG	05/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1160	TD1274	Công nghệ thông tin	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	09/01/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1161	TD1275	Vật lý	PHẠM THỊ NGỌC ANH	25/10/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1162	TD1276	Tiếng Anh	VƯƠNG TIÊU MY	24/06/2019	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 6/ Trình độ C2/ IELTS 8-9/ CPE/ BULATS 90	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
1163	TD1277	Sinh học	ĐỖ THỊ HỒNG ÂN	14/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/ng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1164	TD1278	Ngữ văn	TRỊNH VĂN TRƯỞNG	21/03/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1165	TD1279	Toán học	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	18/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1166	TD1280	Hóa học	NGUYỄN THỊ AN	15/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1167	TD1281	Công nghệ thông tin	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	28/03/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1168	TD1282	Toán học	TRẦN VĂN HIẾU	20/11/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1169	TD1283	Toán học	TRẦN THỊ THANH THẢO	21/11/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1170	TD1284	Tiếng Anh	HUỲNH THỊ KIM TRÚC	28/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1171	TD1285	Toán học	BÙI QUỲNH HƯƠNG	22/11/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1172	TD1286	Hóa học	LỤC THỊ KIM DUYỀN	26/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1173	TD1287	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ MỸ NHƯ	05/03/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELf A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)
1174	TD1288	Công nghệ thông tin	NGUYỄN MAI THẢO	29/06/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1175	TD1289	Toán học	PHAN THANH HIỀN	20/10/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1176	TD1290	Vật lý	THÁI HOÀNG TÂN	25/02/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1177	TD1291	Ngữ văn	CAO THỊ KIM NGÂN	30/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1178	TD1293	Vật lý	NGUYỄN KIM TIỀN	30/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1179	TD1294	Thủ quỹ	NGUYỄN TÁ MỘNG THU	15/06/1968	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1180	TD1295	Hóa học	HUỲNH NHƯ NGỌC	25/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1181	TD1296	Hóa học	HOÀNG BÍCH TRÂM	09/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1182	TD1297	Ngữ văn	NGUYỄN LINH ĐÀI	05/05/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1183	TD1299	Toán học	NGUYỄN DANH QUỐC	14/09/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1184	TD1300	Vật lý	HỒ MINH DƯƠNG	14/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1185	TD1301	Vật lý	NGUYỄN LÂM THÙY LINH	03/04/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1186	TD1302	Tiếng Anh	CAO NGỌC PHƯƠNG UYÊN	05/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1187	TD1303	Hóa học	NGUYỄN THỊ LY NA	05/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1188	TD1304	Toán học	HOÀNG QUỐC GIÁO	20/04/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1189	TD1305	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ TRANG	04/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1190	TD1306	Toán học	TRẦN TRUNG NHIỆM	12/01/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1191	TD1307	Tiếng Anh	TRẦN HOÀNG LONG	10/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1192	TD1309	Vật lý	TRẦN PHẠM TƯỜNG HỢP	12/03/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1193	TD1310	Toán học	NGUYỄN CÔNG HỮU	04/12/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1194	TD1311	Sinh học	LÊ ANH VIỆT	20/03/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1195	TD1312	Toán học	PHẠM THỊ DIỆP	16/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1196	TD1313	Vật lý	NGUYỄN THỊ TUYẾT GIAO	25/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1197	TD1314	Thư Viện	TRẦN THỊ THANH THẢO	07/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Quản lý giáo dục	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1198	TD1315	Sinh học	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	10/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Thạc sĩ	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1199	TD1316	Địa lý	NÀNG XÔ VÌ	11/02/1996	Nữ	Brâu	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1200	TD1317	Toán học	TRƯỜNG VĂN KẾT	20/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1201	TD1318	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	30/06/1976	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)
1202	TD1319	Công nghệ thông tin	HOÀNG VĂN CUỒNG	22/08/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1203	TD1320	Hóa học	ĐẶNG THỊ VĂN THÚY	08/11/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1204	TD1321	Toán học	NGUYỄN TIẾN HÀ	10/07/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1205	TD1322	Toán học	PHAN THỊ MAI	12/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1206	TD1323	Giáo dục công dân	HUỖNH VĂN TUẤN	12/12/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1207	TD1324	Địa lý	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	27/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1208	TD1325	Hóa học	NGUYỄN THỊ NGÂN	22/11/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1209	TD1326	Công nghệ thông tin	HÀ MINH TUẤN	04/01/1978	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Trung cấp	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1210	TD1327	Thư Viện	TRẦN THỊ NGUYỆT	13/06/1970	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Thư viện Thông tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1211	TD1329	Vật lý	LÊ TRƯỜNG DUY	09/05/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1212	TD1330	Toán học	ĐOÀN QUỐC ĐÔNG	15/10/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1213	TD1331	Toán học	LÊ THỊ MINH CHÂU	10/05/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1214	TD1332	Vật lý	NGUYỄN MINH TUYẾN	04/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1215	TD1333	Toán học	ĐƯƠNG HOÀNG HẢI	20/11/1995	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1216	TD1334	Toán học	HỒ THỊ MINH NGA	10/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1217	TD1335	Lịch sử	VÕ THANH TRÚC NGHI	21/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1218	TD1336	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ HOÀI	03/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1219	TD1338	Địa lý	VŨ TRẦN HOÀNG ĐẠI	30/11/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lí học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1220	TD1339	Địa lý	MAI THỊ THANH THÚY	05/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1221	TD1341	Tiếng Anh	NGUYỄN HỮU CHÂU	31/05/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1222	TD1342	Vật lý	NGUYỄN ĐU SAN	07/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1223	TD1343	Tiếng Anh	LÊ NGUYỄN HOÀNG TRANG	05/10/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELFA2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1224	TD1344	Vật lý	PHAN THỊ KIM THI	20/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1225	TD1345	Giáo dục quốc phòng	VÕ NGUYỄN Ý THIÊN	28/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ IC3	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1226	TD1346	Vật lý	CHÂU THỊ KIM DUNG	20/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.	Không
1227	TD1347	Thể dục	TRẦN NGỌC DŨNG	08/03/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1228	TD1348	Vật lý	TRẦN CÔNG MINH	14/10/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1229	TD1349	Ngữ văn	HỒ THỊ HẢO	03/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1230	TD1350	Toán học	NGUYỄN VĂN LỢ	01/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1231	TD1351	Lịch sử	LÝ CÔNG TRÌNH	06/11/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1232	TD1352	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ BÍCH DUYỀN	02/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	(3)
1233	TD1353	Công nghệ thông tin	CÙ HUY THẮNG	09/12/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1234	TD1354	Toán học	TRẦN THANH HIỀN	04/08/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1235	TD1355	Toán học	NGUYỄN VĂN CUÔNG	02/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1236	TD1356	Vật lý	TRẦN HỮU CẦU	09/04/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1237	TD1357	Vật lý	NGUYỄN QUỐC MINH	09/11/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1238	TD1358	Công nghệ (KTNN)	TRẦN THỊ MỸ NGỌC	08/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
1239	TD1359	Sinh học	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	08/01/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1240	TD1360	Sinh học	NGÔ THỊ CẨM TIỀN	19/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1241	TD1361	Thế dục	TRẦN TRỌNG ĐỨC	04/08/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1242	TD1362	Địa lý	TRẦN THỊ CẨM HỒNG	17/02/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1243	TD1363	Thế dục	LÊ ANH CHIẾN	26/06/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
1244	TD1364	Hóa học	LÊ TRUNG HẢI	01/01/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1245	TD1365	Sinh học	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI	26/06/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1246	TD1366	Vật lý	MAI THỊ THÚY HẰNG	22/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1247	TD1367	Vật lý	ĐẶNG THỊ THANH THÚY	30/11/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1248	TD1368	Toán học	MAI HA RA	14/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1249	TD1369	Toán học	ĐỖ THỊ HÒA	30/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1250	TD1370	Toán học	ĐỖ THỊ THANH DUNG	18/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1251	TD1371	Toán học	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	05/01/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1252	TD1372	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	20/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1253	TD1373	Tiếng Anh	HỒ THÁI NGỌC	20/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1254	TD1374	Vật lý	PHẠM ĐIỀN KHOA	08/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1255	TD1375	Toán học	NGUYỄN THỊ THU HÀ	11/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1256	TD1376	Lịch sử	PHẠM THỊ HỒNG THU	25/01/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1257	TD1377	Công nghệ thông tin	ĐINH NHẬT LINH	08/10/1982	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
1258	TD1378	Ngữ văn	DỊCH THỊ HỒNG ÁNH	05/07/1993	Nữ	Tày	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1259	TD1379	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	07/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1260	TD1380	Hóa học	HUỶNH MÃN MÃN	23/03/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1261	TD1382	Lịch sử	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	07/03/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1262	TD1383	Thể dục	PHAN THANH NHẬT	14/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1263	TD1384	Lịch sử	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	03/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1264	TD1386	Hóa học	NGUYỄN THỊ KIM OANH	10/04/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1265	TD1387	Toán học	ĐOÀN TRẦN NAM SON	27/12/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1266	TD1390	Toán học	LÊ THỊ HẢI NGỌC	02/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1267	TD1391	Toán học	ĐẶNG VĂN TÂM	25/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)
1268	TD1392	Địa lý	NGUYỄN THỊ LÝ	01/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1269	TD1393	Tin học	HÀ THANH KHIẾT	01/05/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1270	TD1394	Toán học	NGUYỄN THỊ LỆ	15/04/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1271	TD1395	Toán học	PHẠM VĂN THÔNG	02/09/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1272	TD1396	Tin học	HOÀNG TRUNG HƯNG	01/07/1977	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1273	TD1397	Toán học	TRẦN QUỐC KHANG	09/12/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1274	TD1398	Lịch sử	HUỶNH THỊ NGỌC LINH	23/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1275	TD1400	Thế dục	NGUYỄN CÔNG HẬU	05/03/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1276	TD1401	Công nghệ (KTNC)	TRẦN THỊ LAN	19/04/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1277	TD1402	Hóa học	PHẠM KHÁNH NAM	03/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1278	TD1403	Hóa học	HÀ TUẤN ĐẠT	09/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1279	TD1404	Công nghệ thông tin	HỒ THỊ THANH THÙY	16/08/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1280	TD1405	Toán học	NGÔ THỊ MINH TÂM	17/11/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1281	TD1407	Vật lý	HÀ VĂN NAM	26/03/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1282	TD1409	Tiếng Pháp	NGUYỄN TRẦN NHƯ THÚY	12/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Pháp	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1283	TD1410	Hóa học	LƯƠNG VĂN HÙNG	01/02/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1284	TD1411	Giáo dục công dân	VÕ THỊ TUYẾT MAI	06/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1285	TD1412	Thể dục	HOÀNG HIỆP	24/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1286	TD1413	Hóa học	VÕ THỊ HOA QUỲNH	10/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1287	TD1414	Thể dục	NGUYỄN DUY NGUYỄN	14/05/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1288	TD1415	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HUỆ	04/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1289	TD1416	Sinh học	LÊ THỊ THANH TÂM	16/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1290	TD1417	Toán học	CHÂU QUANG DIỆU	01/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1291	TD1418	Sinh học	NGUYỄN THỊ THU BÌNH	15/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1292	TD1419	Công nghệ thông tin	LÊ XUÂN DŨNG	11/02/1984	Nam	Mường	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1293	TD1420	Hóa học	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU	23/12/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1294	TD1421	Tin học	Nguyễn Thị Ngọc Dung	09/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1295	TD1422	Sinh học	THÁI LÂM NGỌC BẢO TRÂM	03/12/1996	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1296	TD1423	Vật lý	MAI VĂN TÂN	13/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1297	TD1424	Ngữ văn	VŨ THỊ OANH	28/05/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1298	TD1425	Hóa học	QUÁCH LỆ THU	14/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1299	TD1426	Giáo dục quốc phòng	LÊ VĂN THÀNH	06/11/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1300	TD1427	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ LÊ	08/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1301	TD1428	Hóa học	NGUYỄN THỊ HOÀI ĐIỆP	25/12/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1302	TD1429	Hóa học	TRẦN THỊ KHANH HOA	12/04/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1303	TD1430	Hóa học	NGUYỄN NGỌC YẾN	01/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1304	TD1431	Lịch sử	PHẠM THỊ HOÀI THUỜNG	08/10/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1305	TD1433	Tin học	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	27/12/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1306	TD1434	Hóa học	NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1307	TD1435	Sinh học	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	26/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1308	TD1436	Địa lý	THÁI THỊ BÍCH TRÂM	20/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
1309	TD1437	Tiếng Anh	PHẠM PHƯƠNG KHANH	03/12/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA 2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1310	TD1438	Giáo dục công dân	NGUYỄN KHÁNH LINH	04/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1311	TD1439	Toán học	HUỶNH THỊ TUYẾT NHUNG	29/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1312	TD1440	Toán học	PHẠM VĂN CHỦ	10/06/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1313	TD1441	Giáo dục quốc phòng	LÊ MINH CẢNH	20/11/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
1314	TD1442	Vật lý	LÊ THỊ THẢO	10/06/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1315	TD1443	Toán học	DƯƠNG TRỌNG ĐỨC	21/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1316	TD1444	Sinh học	LÊ THỊ ANH	23/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1317	TD1445	Hóa học	LÊ THỊ THÚY HẰNG	02/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1318	TD1446	Toán học	TẮT VỆ TÂM	27/10/1997	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1319	TD1447	Vật lý	LÊ THANH HOÀI	06/09/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1320	TD1449	Toán học	NGUYỄN THANH LÂM	13/11/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1321	TD1451	Thế dục	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	03/03/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1322	TD1452	Giáo dục công dân	NGÔ THANH DIỆP	04/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1323	TD1453	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ NHẬT TUYẾN	24/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1324	TD1454	Vật lý	NGUYỄN THU THẢO	25/12/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1325	TD1455	Toán học	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1326	TD1456	Toán học	CHÂU NGỌC VINH	15/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
1327	TD1457	Hóa học	NGÔ VĂN BÀN	05/01/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1328	TD1458	Giáo dục công dân	LÊ THỊ VUI	20/10/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1329	TD1459	Ngữ văn	LÊ ĐUỜNG TRÂM ANH	02/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1330	TD1460	Công nghệ thông tin	HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH	23/03/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1331	TD1461	Toán học	HUỶNH THỊ PHƯỚC	02/11/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1332	TD1462	Hóa học	PHẠM THỊ THU HỒNG	02/01/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1333	TD1463	Sinh học	ĐẶNG KIM THI	10/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1334	TD1464	Toán học	PHẠM THỊ KIM NGÂN	20/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1335	TD1465	Thế dục	HOÀNG VĂN HUỆ	20/12/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1336	TD1467	Hóa học	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	13/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1337	TD1468	Toán học	NGUYỄN CÔNG THẨM	11/03/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1338	TD1470	Hóa học	LÊ HỮU GIA BẢO	01/04/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1339	TD1471	Hóa học	VÕ THỊ VĂN LAM	30/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1340	TD1472	Vật lý	NGUYỄN THIỆN KHIÊM	22/08/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1341	TD1473	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	04/04/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1342	TD1475	Toán học	PHAN NGỌC BẢO TRÂM	22/06/1997	Nữ	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1343	TD1476	Công nghệ thông tin	LAI CHIÊU CƯỜNG	04/07/1988	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Đại học	Không	Không	(1)
1344	TD1477	Toán học	NGUYỄN MINH HUY	14/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1345	TD1480	Hóa học	NGUYỄN LỆ QUYÊN	18/03/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1346	TD1482	Hóa học	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	06/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1347	TD1483	Sinh học	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	04/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1348	TD1484	Toán học	VÕ THỊ BẢO NGÂN	10/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1349	TD1485	Toán học	PHAN BÁ PHỤNG	06/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1350	TD1486	Toán học	HUỖNH VĂN THẬT	07/09/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
1351	TD1487	Toán học	ĐỖ DUY AN	01/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1352	TD1488	Vật lý	HUỖNH MINH VƯƠNG	17/01/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1353	TD1489	Vật lý	LÊ THỊ LÀNH	10/10/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1354	TD1490	Ngữ văn	HỒ THỊ HỒNG	05/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1355	TD1491	Thủ quỹ	NGÔ THANH XUÂN	20/08/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1356	TD1492	Tin học	TRỊNH THỊ ĐIỀU	10/07/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(1)
1357	TD1493	Giáo dục quốc phòng	ĐINH THỊ KHÁNH NGÂN	23/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1358	TD1495	Vật lý	TRỊNH NHƯ NGỌC	02/12/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
1359	TD1496	Vật lý	PHẠM THỊ CHUNG	06/08/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1360	TD1497	Vật lý	PHAN HUỖNH THẢO VY	29/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1361	TD1499	Vật lý	NGUYỄN THỊ HỒNG LANH	01/05/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1362	TD1500	Toán học	TRẦN HUYỀN THỤC VY	14/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1363	TD1502	Toán học	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	23/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1364	TD1503	Hóa học	VÕ ANH DƯƠNG	17/08/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1365	TD1504	Toán học	NGUYỄN THỊ LIÊU NOA	04/06/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1366	TD1505	Sinh học	HUỖNH THỊ ĐIỂM TRANG	06/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1367	TD1506	Toán học	NGUYỄN THỊ LỆ UYÊN	19/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1368	TD1507	Hóa học	LA VIỆT THY	25/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- **Ghi chú các trường hợp đặc biệt** :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1369	TD1508	Vật lý	TRẦN HỒNG UYÊN	27/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1370	TD1509	Giáo dục công dân	TẠ VŨ CÔNG THÀNH	10/04/1992	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1371	TD1510	Toán học	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	05/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1372	TD1511	Vật lý	NGUYỄN THỊ DUNG	12/12/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1373	TD1512	Sinh học	ĐÌNH THỊ HẢI YẾN	10/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1374	TD1513	Vật lý	NGUYỄN NGỌC BÍCH	13/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1375	TD1514	Ngữ văn	TRẦN THỊ MINH HƯƠNG	17/08/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1376	TD1515	Toán học	ĐOÀN TIẾN DŨNG	06/06/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1377	TD1516	Hóa học	NGUYỄN THỊ KIỀU NHƯ	01/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1378	TD1517	Công nghệ thông tin	ĐOÀN VIỆT LONG	08/09/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1379	TD1518	Tiếng Anh	PHẠM THỊ HƯƠNG THẢO	13/02/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Không	Không	Không
1380	TD1519	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	20/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1381	TD1520	Toán học	TRẦN THỊ HOA HIỀN	28/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1382	TD1521	Hóa học	NGUYỄN NHƯ MAI HƯƠNG	27/12/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1383	TD1522	Toán học	NGUYỄN NGỌC QUÝ	15/05/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1384	TD1523	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HUYỀN NHƯ	20/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1385	TD1524	Địa lý	ĐẬU THỊ HẢI VÂN	10/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lí học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1386	TD1525	Toán học	PHẠM THỊ THANH VIÊN	20/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1387	TD1526	Hóa học	MAI THỊ VÀNG	07/12/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1388	TD1527	Sinh học	TRẦN VÕ TUỜNG VY	06/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1389	TD1528	Ngữ văn	TRẦN THỊ DUNG	09/02/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1390	TD1529	Ngữ văn	HOÀNG THỊ DIỄM CHINH	04/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1391	TD1530	Ngữ văn	TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN	06/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 5/ TRKI III/ DALF C1/ HSK cấp 5/ JLPT N5/ Topik II-L5	Không	Không
1392	TD1531	Hóa học	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	20/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1393	TD1532	Toán học	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	15/04/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1394	TD1534	Tiếng Anh	ĐOÀN THỊ NIÊM	02/06/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Thạc sĩ	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1395	TD1535	Sinh học	LÊ THỊ HẢO	20/12/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1396	TD1536	Vật lý	LÊ MINH PHƯƠNG	12/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1397	TD1537	Hóa học	NGUYỄN NGỌC HUYỀN NGÂN	29/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1398	TD1538	Giáo dục quốc phòng	PHẠM NGỌC MINH LÝ	01/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1399	TD1539	Địa lý	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	01/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1400	TD1540	Công nghệ thông tin	NGUYỄN MAI VI	16/06/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1401	TD1541	Sinh học	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	01/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1402	TD1542	Toán học	LÊ TẤN TUYÊN	01/01/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1403	TD1543	Tiếng Anh	HUỖNH THỤY ÁI VY	25/05/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1404	TD1544	Toán học	NGUYỄN THỊ NHƯ' QUỲNH	07/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1405	TD1546	Vật lý	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	08/03/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1406	TD1547	Vật lý	ĐOÀN THỊ HOA	21/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1407	TD1548	Vật lý	NGUYỄN THỊ BÌNH	17/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1408	TD1549	Vật lý	CAO NGUYỄN THẾ THANH	18/05/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1409	TD1550	Toán học	LÊ THỊ MINH TUYẾN	04/03/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
1410	TD1551	Ngữ văn	ĐẶNG TRẦN HOÀNG THÔNG	30/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1411	TD1552	Vật lý	LÂM BÍCH TUYẾN	16/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1412	TD1553	Toán học	LÊ THỊ THANH THẢO	28/12/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1413	TD1554	Thể dục	LIÊU CHÍ THUYỀN	11/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1414	TD1555	Thể dục	LÊ TẤN LỘC	28/11/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1415	TD1556	Thể dục	TRẦN NGỌC SÁNG	21/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1416	TD1557	Thể dục	TRẦN TẤN DUY	25/12/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1417	TD1558	Thể dục	NGUYỄN LÊ MINH TRÍ	02/09/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1418	TD1559	Thư Viện	NGUYỄN NGỌC HỒNG NHI	21/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1419	TD1560	Địa lý	NGUYỄN THỊ BẢO VÂN	18/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1420	TD1561	Toán học	HỒ THỊ NGỌC HÀ	06/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1421	TD1562	Địa lý	NGUYỄN ANH THU'	19/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1422	TD1563	Vật lý	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	03/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1423	TD1564	Toán học	NGUYỄN THỊ THỦY LÊN	11/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1424	TD1565	Địa lý	LÊ THỊ THẨM	28/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1425	TD1566	Tiếng Anh	ĐÀO HOÀI THUƠNG	13/11/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1426	TD1567	Địa lý	HOÀNG PHÚC THỊNH	08/01/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1427	TD1568	Văn thư	VÕ VĂN CẨM	06/06/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1428	TD1569	Sinh học	NGUYỄN THỊ HOÀNG DUNG	14/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1429	TD1570	Thư Viện	PHAN NGỌC THÚY ÁI	20/06/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Kế toán	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1430	TD1571	Toán học	NGUYỄN HOÀNG KIẾT	20/12/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1431	TD1572	Ngữ văn	TRẦN THỊ THU HIỀN	29/04/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1432	TD1573	Vật lý	NGUYỄN THỊ PHÚC	01/02/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1433	TD1574	Thư Viện	TRẦN HIẾU HẠNH	03/08/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1434	TD1575	Toán học	NGUYỄN NGỌC YẾN	20/05/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1435	TD1576	Sinh học	HOÀNG THỊ THU	10/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1436	TD1577	Toán học	TRẦN BẢO HÙNG	27/08/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1437	TD1578	Thủ quỹ	HÀU THỀ SƠN	16/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng ngành khác	Kế toán	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1438	TD1579	Hóa học	NGUYỄN QUÍ	08/04/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1439	TD1580	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	02/12/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1440	TD1581	Sinh học	ÂU LÊ THIÊN THANH	11/01/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1441	TD1582	Toán học	LÊ THỊ TUYẾT NHI	19/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
1442	TD1583	Hóa học	PHẠM THỊ DUNG	25/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1443	TD1584	Ngữ văn	NGUYỄN MINH HUY	18/11/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
1444	TD1585	Giáo dục công dân	TRẦN CẨM THÚY	09/01/1984	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	(1)
1445	TD1586	Hóa học	ĐỖ ANH KHUÊ	02/11/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
1446	TD1587	Lịch sử	LÔ ĐÌNH KIỆT	10/02/1995	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1447	TD1588	Vật lý	TRẦN HOÀNG PHÚC	19/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1448	TD1589	Giáo dục công dân	NGUYỄN VĂN PHA	01/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1449	TD1590	Sinh học	NGUYỄN THỊ BẢO VY	10/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
1450	TD1591	Toán học	CAO THỊ NGỌC TRÂM	01/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	Không
1451	TD1592	Sinh học	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	12/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1452	TD1593	Tiếng Anh	LÊ ĐỨC HIỀN	08/10/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Bậc 3/Trình độ C/ TRK1 I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1453	TD1594	Hóa học	LÊ VĂN NAM	30/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	(2)
1454	TD1595	Ngữ văn	VÕ THỊ HUỆ	20/04/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1455	TD1596	Toán học	TRẦN CAO ĐẠI CƯƠNG	06/07/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1456	TD1597	Toán học	TRẦN THỊ MINH THÁI	02/08/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
1457	TD1598	Toán học	TRẦN THỊ THU HẰNG	27/07/1978	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
1458	TD1599	Toán học	CAO VĂN HOÀNG	18/03/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1459	TD1600	Ngữ văn	ĐÀO THỊ THÚY	02/02/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1460	TD1601	Toán học	LÊ VĂN HIẾU	26/06/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1461	TD1602	Toán học	NGUYỄN THỊ DIỆU MY	09/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1462	TD1603	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ DUYỀN	03/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1463	TD1604	Toán học	VĂN BẢO NGÂN	02/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1464	TD1605	Lịch sử	ĐINH THỊ MỸ KỶ	05/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1465	TD1606	Công nghệ thông tin	NGUYỄN TUẤN PHÚ	12/12/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1466	TD1607	Ngữ văn	VŨ THỊ XOAN	05/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1467	TD1608	Hóa học	TRẦN PHAN KHÁNH LINH	11/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1468	TD1609	Vật lý	HOÀNG THÚY NGÀ	01/02/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1469	TD1610	Vật lý	LÊ KIM THÙY	02/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1470	TD1611	Hóa học	HỒ THỊ BẢO GIANG	20/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1471	TD1612	Lịch sử	TRẦN THỊ HIỀN	12/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1472	TD1613	Toán học	BÙI XUÂN HÙNG	19/08/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1473	TD1614	Toán học	SŨ NHƯ NGỌC	30/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1474	TD1615	Địa lý	TRẦN THỊ YẾN NHI	07/02/1983	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1475	TD1616	Thể dục	ĐẶNG VĂN NGHIÊM	18/01/1993	Nam	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1476	TD1617	Giáo dục quốc phòng	ĐÀO CÔNG BIN	19/07/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1477	TD1618	Vật lý	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾN	09/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1478	TD1619	Tiếng Anh	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	06/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1479	TD1620	Toán học	TRẦN THỊ TUYẾT NGÂN	20/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1480	TD1621	Toán học	TRẦN VĂN ANH	03/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1481	TD1622	Lịch sử	KIỀU THỊ TRANG	04/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1482	TD1623	Ngữ văn	PHAN THỊ THÚY	08/10/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1483	TD1624	Giáo dục công dân	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	11/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1484	TD1625	Thể dục	NGUYỄN HẢI KỶ PHONG	01/06/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1485	TD1626	Công nghệ thông tin	PHÙNG THỊ MỸ HUYỀN	20/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1486	TD1627	Toán học	NGUYỄN VĂN MINH	22/02/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1487	TD1628	Ngữ văn	LÊ THỊ KIM HUỆ	14/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1488	TD1629	Lịch sử	TRẦN THỊ CẨM VÂN	20/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1489	TD1630	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THANH HUƠNG	21/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1490	TD1631	Toán học	DUƠNG HỒNG THÁI	01/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1491	TD1632	Thư Viện	NGUYỄN THỊ VINH	15/05/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Thư viện	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1492	TD1633	Sinh học	NGUYỄN THỊ LINH	10/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1493	TD1634	Toán học	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	13/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1494	TD1635	Tiếng Anh	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	08/01/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1495	TD1636	Hóa học	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	01/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1496	TD1637	Vật lý	MAI THỊ HUYỀN TRANG	02/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1497	TD1638	Toán học	MAI ANH TUẤN	12/09/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1498	TD1639	Toán học	TRƯƠNG VŨ THANH LÂM	02/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1499	TD1641	Thể dục	LÊ VĂN TÂM	17/06/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1500	TD1642	Vật lý	CHU TIẾN ĐẠT	11/01/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1501	TD1643	Sinh học	PHAN THÚY HÀ	02/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1502	TD1644	Địa lý	TRẦN THỊ THÚY NGÀ	06/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1503	TD1645	Toán học	NGÔ THỊ THÙY THUƠNG	26/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1504	TD1646	Toán học	ĐẶNG MINH TÀI	14/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1505	TD1647	Công nghệ (KTCN)	VŨ ĐÌNH TÂM	16/07/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1506	TD1648	Tiếng Anh	LÊ THỊ SEN	10/12/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1507	TD1649	Ngữ văn	ĐỖ THỊ NGÁT	12/07/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1508	TD1650	Toán học	LÊ THỊ MƠ	10/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
1509	TD1651	Thể dục	NGUYỄN VĂN HẢO	04/01/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1510	TD1652	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THU Thủy	17/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1511	TD1653	Địa lý	HỒ THỊ NHỊ	10/09/1997	Nữ	Chưa xác định	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1512	TD1654	Địa lý	TRẦN VĂN TRÍ	17/01/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1513	TD1655	Ngữ văn	LÊ THỊ HUYỀN NHUNG	30/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1514	TD1656	Toán học	TRẦN ĐỨC MẠNH	01/07/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1515	TD1657	Hóa học	HUỲNH THỊ NGỌC NHI	10/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1516	TD1658	Hóa học	TRẦN LÊ PHƯƠNG UYÊN	08/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1517	TD1659	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ KIM CHI	24/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1518	TD1660	Hóa học	NGUYỄN QUỐC TRUNG	02/11/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1519	TD1661	Vật lý	NGÔ VŨ THIÊN QUANG	07/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	(3)
1520	TD1662	Hóa học	HUỖNH THỊ TUỜNG VI	27/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1521	TD1664	Hóa học	VŨ THỊ MINH ÁNH	25/03/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1522	TD1665	Địa lý	LÊ HÀ MINH THU	23/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1523	TD1667	Toán học	TRẦN HỮU Bảo	22/12/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1524	TD1668	Ngữ văn	HUỖNH THÁI CHUÔNG	24/03/1997	Nam	Hoa	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1525	TD1669	Hóa học	TRẦN MINH QUANG	26/04/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1526	TD1670	Hóa học	TRẦN THỊ NGỌC THẢO	23/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1527	TD1671	Toán học	HOÀNG THỊ THU	04/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(2)
1528	TD1672	Toán học	NINH VĂN HÙNG	04/02/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1529	TD1673	Vật lý	ĐỖ THỊ MỸ DUYỀN	03/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1530	TD1674	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ QUYÊN	29/01/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1531	TD1675	Hóa học	TRẦN THIỆN TRÍ	05/09/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1532	TD1676	Hóa học	NGUYỄN THÀNH LUÂN	02/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1533	TD1677	Sinh học	LÊ THỊ HIỀN	10/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1534	TD1678	Sinh học	CHÂU THỊ THẬN	05/10/1996	Nữ	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1535	TD1679	Giáo dục công dân	NGÔ THỊ THU NGUYỆT	12/03/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1536	TD1680	Toán học	HỒ QUỐC ÁI	15/05/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1537	TD1681	Toán học	NGÔ LÊ THANH HẢI	22/08/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1538	TD1682	Sinh học	NGÔ THỊ THO	16/12/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1539	TD1683	Vật lý	TRẦN THỊ HUÊ	23/06/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1540	TD1684	Ngữ văn	NGUYỄN LÊ THỦY LINH	04/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1541	TD1685	Ngữ văn	NGUYỄN THÚY NGỌC	09/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1542	TD1686	Thế dục	TRẦN THỊ NGỌC PHIÊN	11/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1543	TD1688	Vật lý	NGUYỄN THỊ KIM PHA	20/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Không	Không	Không
1544	TD1689	Toán học	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	14/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1545	TD1690	Lịch sử	ĐÀM NGỌC PHƯƠNG MAI	08/01/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1546	TD1691	Tiếng Anh	PHẠM VĂN TRƯỜNG	03/08/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	(1)
1547	TD1692	Toán học	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	11/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1548	TD1693	Toán học	ĐẶNG THỊ BÍCH TUYỀN	22/03/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1549	TD1694	Toán học	LÊ NGỌC THIÊN	24/12/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1550	TD1695	Toán học	NGUYỄN THỊ MAI HUƠNG	25/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1551	TD1697	Toán học	ĐẶNG THỊ YẾN	20/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chỉ đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1552	TD1698	Sinh học	PHẠM ĐỨC LÂM	08/02/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1553	TD1699	Sinh học	ĐỖ THỊ THÙY TRÂM	29/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1554	TD1700	Sinh học	VÕ HỒNG QUÂN	01/09/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	(3)
1555	TD1702	Toán học	ĐUƠNG QUANG NGHĨA	09/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1556	TD1704	Thế dục	PHAN THÀNH PHÚ	30/03/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Không	Kỹ thuật viên	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1557	TD1705	Toán học	NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM	20/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1558	TD1706	Tiếng Anh	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	28/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 1/Trình độ A/ TEU/DELF A1/ Đức A1/HSK cấp 1/ JLPT N1/ Topik I-L1	Không	Không
1559	TD1707	Hóa học	HUỲNH THỊ MỸ PHÚC	13/11/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1560	TD1708	Tiếng Anh	BÙI THU HIỀN	06/09/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1561	TD1709	Lịch sử	NGUYỄN THỊ LIÊN	05/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1562	TD1710	Lịch sử	PHẠM THÙY LINH	19/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1563	TD1711	Sinh học	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	25/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1564	TD1712	Sinh học	PHẠM THỊ CHUNG	16/05/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1565	TD1713	Giáo dục công dân	LÊ THÚY Quỳnh	09/11/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1566	TD1714	Sinh học	NGUYỄN THỊ HỒNG	25/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1567	TD1715	Toán học	NGÔ THỊ HOÀI TRANG	03/12/1977	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1568	TD1716	Toán học	LÊ MINH TÔN	14/04/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1569	TD1718	Toán học	NGUYỄN VĂN TÂN	18/11/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1570	TD1719	Ngữ văn	NGUYỄN VĂN TIẾNG	13/11/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1571	TD1720	Sinh học	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	28/10/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1572	TD1721	Sinh học	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	28/03/1998	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1573	TD1722	Toán học	NGUYỄN HỒNG PHI	15/07/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(3)
1574	TD1723	Sinh học	LA HOÀNG TRÚC NGÂN	28/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1575	TD1724	Giáo dục công dân	HUỶNH MAI EM	02/07/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục công dân	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1576	TD1725	Thiết bị, phòng thí nghiệm	HUỶNH THỊ THANH HẰNG	19/09/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1577	TD1726	Toán học	MẠNH QUANG VŨ	05/10/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1578	TD1727	Tiếng Anh	PHAN THANH HẰNG	11/05/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 5/ Trình độ C1/ IELTS 6.5-7.5/ CAE/ Business Higher/ BULATS 75/ TOEFL iBT 90/ TOEIC 850	Không	Không	Không
1579	TD1728	Toán học	VÕ DUY VŨ	20/04/1985	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1580	TD1729	Sinh học	NGUYỄN NGỌC DIỆP	08/08/1980	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1581	TD1730	Địa lý	NGÔ THỊ ĐÔNG	26/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1582	TD1731	Thể dục	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	08/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1583	TD1732	Địa lý	PHẠM LÊ HÙNG PHÚC	01/04/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1584	TD1733	Hóa học	BÙI PHƯƠNG THỨC	28/02/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1585	TD1734	Ngữ văn	VÕ THỊ HẰNG	05/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1586	TD1735	Vật lý	NGUYỄN THỊ MINH THANH	10/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1587	TD1736	Toán học	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	08/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1588	TD1737	Công nghệ thông tin	VŨ THỊ NGỌC MAI	04/04/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1589	TD1738	Vật lý	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	02/07/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1590	TD1739	Toán học	HOÀNG MINH HIẾU	12/03/1992	Nam	Nùng	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1591	TD1740	Công nghệ thông tin	NGUYỄN XUÂN HÒA	25/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1592	TD1741	Toán học	CAO XUÂN THIỀU	20/09/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1593	TD1742	Tiếng Anh	DƯƠNG THỊ MỸ LAN	08/12/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Không	Không	Không
1594	TD1743	Hóa học	TRẦN VĂN TRẦN	25/01/1986	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
1595	TD1745	Toán học	PHẠM NHƠN QUÝ	02/10/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1596	TD1746	Toán học	TRẦN THỊ MỸ LINH	21/11/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1597	TD1748	Hóa học	NGUYỄN THỊ HOA	13/03/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1598	TD1749	Giáo dục công dân	VÕ THỊ KIM THOA	22/04/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1599	TD1750	Giáo dục công dân	PHAN THỊ PHƯỢNG	02/09/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1600	TD1751	Sinh học	LÊ THỊ TRANG	09/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1601	TD1752	Thể dục	VŨ VĂN TIẾN	10/10/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1602	TD1753	Toán học	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ	27/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1603	TD1754	Địa lý	BÙI THỊ THUỶ TIỀN	29/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1604	TD1755	Vật lý	NGUYỄN THỊ HUỖN	02/07/2019	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1605	TD1756	Vật lý	CAO THỊ THÚY	12/07/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1606	TD1757	Ngữ văn	CHU THỊ BÍCH YẾN	12/04/1991	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1607	TD1759	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	08/10/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1608	TD1760	Thể dục	PHẠM CÔNG ĐOÀN	25/01/1983	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1609	TD1761	Toán học	TRỊNH THỊ KIM Phượng	19/12/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1610	TD1762	Toán học	TRIỆU NGUYỄN THỊNH	15/03/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1611	TD1763	Hóa học	DƯƠNG THỊ MAI	10/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1612	TD1764	Hóa học	PHAN THỊ THÙY DUNG	16/12/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1613	TD1765	Văn thư	ĐOÀN TRỌNG HẬU	19/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Quản lý giáo dục	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1614	TD1766	Toán học	TRẦN NGỌC ĐẾN	16/11/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Toán - Tin	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1615	TD1767	Toán học	NGUYỄN THU HẰNG	10/05/1979	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1616	TD1768	Tin học	ĐOÀN NGUYỄN THÙY DUNG	22/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tin học	Không	Đại học	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1617	TD1769	Toán học	DƯƠNG ÁNH TUYẾT	07/08/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1618	TD1770	Ngữ văn	NGUYỄN BÍCH NHƯ	16/02/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1619	TD1771	Toán học	ĐÀO XUÂN THANH	23/08/1979	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1620	TD1772	Toán học	VÕ BẢO THẠCH	21/04/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1621	TD1774	Toán học	TRẦN CÔNG DUY	04/04/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1622	TD1775	Sinh học	BÙI THỊ HỒNG CHIÊN	22/03/1993	Nữ	Mường	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sinh học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1623	TD1776	Tiếng Anh	HỒ LÂM XUÂN HƯƠNG	25/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 3/Trình độ C/ TRKI I/ DELF B1/ Đức B1 ZD/ HSK cấp 3/ JLPT N3/ Topik II-L3	Không	Không
1624	TD1777	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	20/10/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1625	TD1778	Giáo dục công dân	LÊ THỊ TÌNH	10/10/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục công dân	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1626	TD1779	Công nghệ (KTCN)	DƯƠNG NGỌC CHUẨN	19/12/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1627	TD1780	Tiếng Anh	ĐẶNG THỊ MỸ HÂN	20/09/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 4/ TRKI II/ DELF B2/ Đức B2 test DaF level 4/ HSK cấp 4/ JLPT N4/ Topik II-L4	Không	Không
1628	TD1781	Vật lý	TRẦN TRUNG TÍN	13/12/1995	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
1629	TD1782	Công nghệ (KTCN)	NGUYỄN THÁI HỌC	17/07/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120		Không	Không
1630	TD1783	Giáo dục quốc phòng	CAO THÚY LAN	24/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	(2)
1631	TD1784	Địa lý	LÊ THỊ TRANG	26/03/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1632	TD1785	Vật lý	TRẦN THỊ THÙY	20/02/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1633	TD1786	Toán học	NGÔ XUÂN SINH	16/11/1974	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	(1)
1634	TD1787	Vật lý	ĐÀO THỊ THU NGÂN	30/04/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1635	TD1788	Hóa học	TRƯƠNG THỊ THANH HIỀN	04/12/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1636	TD1789	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	07/01/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1637	TD1790	Vật lý	TRẦN THỊ DIỄM HƯƠNG	31/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1638	TD1791	Địa lý	ĐÀO THỊ THU	31/08/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Địa lí học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	(1)
1639	TD1792	Ngữ văn	VÕ THỊ THU HÀ	13/10/1982	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1640	TD1793	Toán học	TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG	13/06/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450		Không	Không
1641	TD1794	Giáo dục quốc phòng	PHẠM HOÀNG QUYÊN	21/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600		Không	(2)
1642	TD1796	Toán học	LẠI BÌNH MINH	15/05/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1643	TD1797	Giáo dục quốc phòng	NGUYỄN HỮU KHANG	28/03/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1644	TD1798	Văn thư	NGUYỄN THỊ HÀ	05/09/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp ngành khác	Văn thư – Lưu trữ	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225		Không	Không
1645	TD1799	Tiếng Anh	VĂN THỊ MINH HIỆP	27/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1646	TD1800	Ngữ văn	DƯƠNG THỊ HẠNH	20/10/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1647	TD1801	Công nghệ thông tin	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/07/2019	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1648	TD1802	Lịch sử	NGÔ THỊ MAI	02/08/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Cao đẳng	Không	Không	Không
1649	TD1803	Hóa học	VÕ NGUYỄN HOÀI AN	27/04/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1650	TD1804	Vật lý	LÊ QUỲNH NHƯ	09/04/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1651	TD1805	Sinh học	CAO THỊ NGỌC ÁNH	10/08/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Không	Không	Không
1652	TD1806	Hóa học	LƯU HOÀNG TUẤN	20/03/1974	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1653	TD1807	Vật lý	NGUYỄN CÔNG DANH	20/12/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1654	TD1808	Vật lý	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/12/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1655	TD1809	Vật lý	VÕ THỊ THANH HƯƠNG	27/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1656	TD1810	Vật lý	LÊ NGỌC TIẾN	23/09/1991	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1657	TD1811	Ngữ văn	TRỊNH THỊ THU	12/01/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Không	Không	Không
1658	TD1812	Toán học	HUỲNH NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	07/05/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1659	TD1813	Vật lý	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	15/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1660	TD1814	Vật lý	ĐÀM THỊ THANH THÚY	22/09/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1661	TD1815	Ngữ văn	LẠI PHÁT TÀI	25/09/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1662	TD1816	Toán học	TRẦN THỊ THANH THƯƠNG	19/01/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1663	TD1817	Toán học	BÙI VĂN GIÁP	21/11/1987	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1664	TD1818	Vật lý	PHẠM THUY ANH	23/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(2)
1665	TD1819	Vật lý	ĐỖ HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG	12/12/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1666	TD1820	Ngữ văn	THACH TUYẾT	01/01/1992	Nam	Khome	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1667	TD1821	Toán học	PHẠM THỊ MINH HÀ	17/04/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1668	TD1822	Thiết bị, phòng thí nghiệm	BÙI MẠNH TOÀN	30/09/1982	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1669	TD1823	Vật lý	NGUYỄN THỊ THANH Ý	02/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1670	TD1824	Toán học	NGUYỄN THỊ BÍCH TRINH	20/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1671	TD1825	Công nghệ thông tin	VĂN CÔNG TÀI	04/10/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1672	TD1826	Toán học	NGUYỄN NGUYỄN CHUÔNG	22/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1673	TD1827	Ngữ văn	CÙ THỊ MỸ LÂM	21/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1674	TD1828	Vật lý	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	20/01/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1675	TD1830	Tiếng Nhật	NGUYỄN THỊ NHẬT ÁN	02/05/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Nhật	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1676	TD1831	Toán học	LÊ NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	20/11/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1677	TD1832	Giáo dục quốc phòng	PHẠM ANH VĨNH	25/02/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.	Không
1678	TD1833	Vật lý	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	30/07/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1679	TD1835	Vật lý	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	20/02/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	(1)
1680	TD1836	Toán học	PHẠM PHÚ HOÀNG LAN	02/07/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1681	TD1837	Ngữ văn	CAO THỊ THANH THÚY	03/03/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1682	TD1838	Địa lý	HUỲNH THỊ HOÀNG CÚC	03/09/1989	Nữ	Chăm	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1683	TD1839	Vật lý	NGUYỄN MINH NGOC	15/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1684	TD1840	Vật lý	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	10/03/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Không	Không
1685	TD1841	Địa lý	NGUYỄN THỊ LÝ	01/03/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lý học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1686	TD1842	Địa lý	MAI THỊ NGUYỄN	20/09/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Địa lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1687	TD1843	Hóa học	NGUYỄN THỊ DIỆU ÁI	27/01/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1688	TD1844	Ngữ văn	HUỲNH THỊ DIỄM NGA	30/06/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1689	TD1845	Vật lý	NGUYỄN THỊ HUY	15/10/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lý	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1690	TD1846	Thế dục	HUỲNH ÁI VÂN	20/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1691	TD1847	Hóa học	PHẠM THỊ NHƯ HỒNG	01/12/1973	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Hóa học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1692	TD1848	Sinh học	TRẦN THỊ KIM	18/05/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1693	TD1849	Sinh học	NGUYỄN HỮU THIỆN	19/04/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1694	TD1850	Tiếng Anh	NGUYỄN HOÀNG YẾN LINH	03/11/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Bậc 1/Trình độ A/ TEU/DELF A1/ Đức A1/HSK cấp 1/ JLPT N1/ Topik I-L1	Không	Không
1695	TD1851	Địa lý	NGUYỄN THỊ CẨM TRẦN	17/09/1995	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Địa lí học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1696	TD1852	Toán học	LƯU VĂN LONG	20/07/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1697	TD1853	Ngữ văn	NGUYỄN TRẦN TÂM ANH	22/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1698	TD1854	Công nghệ thông tin	HOÀNG XUÂN QUÝ	18/08/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Địa lí học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1/ Trình độ A/ Trình độ A1/ TOEIC 120	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	Không
1699	TD1855	Toán học	NGUYỄN ĐOÀN VŨ	13/05/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1700	TD1856	Ngữ văn	HÀ THỊ YẾN LINH	20/09/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1701	TD1857	Toán học	PHẠM THỊ ANH	04/09/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1702	TD1858	Toán học	NGUYỄN THỊ KIM THOA	26/08/1986	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Đại học	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động	(1)
1703	TD1859	Tiếng Anh	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	06/01/1988	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1704	TD1860	Giáo dục công dân	ĐỖ XUÂN TOÀN	24/01/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Chính trị	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)
1705	TD1861	Vật lý	HUỶNH THỊ HƯƠNG GIANG	30/07/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1706	TD1862	Vật lý	NGUYỄN NGỌC TÂN	08/07/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1707	TD1863	Sinh học	NGUYỄN VĂN XUÂN QUỲNH	22/02/1997	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Sinh học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1708	TD1864	Lịch sử	NGUYỄN THỊ THU LAN	04/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1709	TD1865	Thế dục	PHAN TÂN LỘC	09/08/1997	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1710	TD1866	Thế dục	NGUYỄN MINH QUÂN	10/03/1996	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1711	TD1867	Tiếng Anh	NGUYỄN LÊ QUANG VINH	09/10/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELF A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	Không
1712	TD1869	Toán học	NGUYỄN HÀ TIỀN	27/07/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1713	TD1870	Toán học	NGUYỄN THỊ CHÍ THANH	10/07/1990	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1714	TD1871	Toán học	TRƯƠNG THỊ LIEN	01/07/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1715	TD1872	Hóa học	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	19/07/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1716	TD1873	Thế dục	VŨ THỊ LEN	05/05/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Đại học	Không	Không	Không
1717	TD1875	Thiết bị, phòng thí nghiệm	LÊ PHƯƠNG DUNG	07/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Hóa học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4/ Trình độ B2/ IELTS 5-6/ FCE/ Business Vantage/ BULATS 60/ TOEFL PBT 500/ TOEFL CBT 173/ TOEFL iBT 61/ TOEIC 600	Không	Không	Không
1718	TD1876	Tin học	PHẠM MINH HÙNG	18/01/1981	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1719	TD1877	Hóa học	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	15/06/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1720	TD1878	Vật lý	HOÀNG ANH THOAI	10/12/1984	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Vật lí	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1721	TD1879	Vật lý	NGUYỄN Y PHỤNG	20/05/1994	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1722	TD1881	Toán học	TRẦN VĨ NGHĨA	27/10/1988	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1723	TD1882	Công nghệ thông tin	LÊ THANH NHÂN	20/12/1989	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Quốc phòng An ninh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1724	TD1883	Toán học	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	24/11/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

TT	Mã số	Vị trí dự tuyển	Họ và Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Trình độ Tin học	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ ngoại ngữ khác	Đối tượng ưu tiên	Trường hợp đặc biệt
1725	TD1884	Thế dục	HUỖNH THỊ KIM LIỄN	01/01/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Giáo dục Thể chất	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1726	TD1885	Toán học	ĐỒ THỊ VĂN ANH	03/08/1993	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1727	TD1886	Vật lý	TRẦN THỊ THỦY	15/06/1985	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	(1)
1728	TD1887	Hóa học	PHẠM NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỄN	02/10/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1729	TD1888	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	23/08/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1730	TD1889	Toán học	ĐÀM THỊ THỦY NGÂN	20/12/1989	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1731	TD1890	Ngữ văn	ĐINH THỊ LAN HƯƠNG	16/10/1996	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Ngữ văn	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1732	TD1891	Hóa học	PHAN VĂN HÙNG	19/07/1994	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Hoá học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1733	TD1892	Ngữ văn	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	01/01/1980	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1734	TD1893	Toán học	PHAN LÂM THÁI	20/12/1992	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1735	TD1894	Tiếng Anh	TRẦN THỊ YẾN	11/03/1987	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Không	Bậc 2/Trình độ B/ TBU/DELTA A2/ Đức A2/HSK cấp 2/ JLPT N2/ Topik I-L2	Không	(1)
1736	TD1895	Toán học	TẠ THỊ HÀ	26/07/1992	Nữ	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Toán học	Không	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không
1737	TD1896	Lịch sử	PHẠM ĐÌNH HÙNG	29/01/1990	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm	Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ: A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016	Bậc 3/ Trình độ C/ Trình độ B1/ IELTS 4-4.5/ Preliminary PET/ Business Preliminary/ BULATS 40/ TOEFL PBT 450/ TOEFL CBT 133/ TOEFL iBT 45/ TOEIC 450	Không	Không	Không
1738	TD1897	Thế dục	TRẦN QUANG TRUNG	18/12/1993	Nam	Kinh	Tốt nghiệp Đại học ngành khác	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2/ Trình độ B/ Trình độ A2/ Preliminary KET/ BULATS 20/ TOEFL iBT 40/ TOEIC 225	Không	Không	Không

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2019



Lê Hồng Sơn

- Ghi chú các trường hợp đặc biệt :

- (1) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:
 - Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;
 - Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;
 - Cán bộ, công chức cấp xã;
 - Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- (2) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.
- (3) Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp cơ thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.